

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4500475048

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 03 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 13 tháng 01 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SON HAI CARRAGEENAN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SON HAI CARRAGEENAN., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Suối Đá, Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0683.670688

Fax: 0683.670666

Email: tuantrc.lh@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 900.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/07/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030056012982

Ngày cấp: 05/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về
Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 73, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 73, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam



CÔNG TY CP
RAU CẦU SƠN HẢI
Số: 86. /2025/TB-SH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Thuận Bắc, ngày 20 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v thay đổi địa chỉ xuất hóa đơn của Công ty

Kính gửi: Quý khách hàng cùng Quý đối tác.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Công ty CP Rau Cầu Sơn Hải xin thông báo đến Quý khách hàng cùng Quý đối tác về việc thay đổi thông tin địa chỉ Công ty như sau:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CẦU SƠN HẢI.**
- Địa chỉ: **Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.**
- Mã số thuế: 4500475048
- Số điện thoại: 02593 670 688
- Email: raucausonhai.hddt@gmail.com
- Website: raucausonhai.com.vn

Thời gian thay đổi địa chỉ: **Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.**

(Thay đổi tên địa chỉ hành chính, không thay đổi vị trí thực tế)

Mọi hoạt động giao dịch, liên hệ và làm việc với công ty kể từ ngày 01/07/2025 sẽ được thực hiện tại địa chỉ mới này.

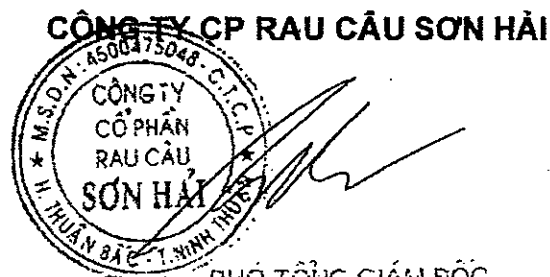
Chúng tôi cam kết việc thay đổi địa chỉ sẽ không làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và hợp tác của Quý khách hàng cùng Quý đối tác.

Rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác và ủng hộ của Quý khách hàng cùng Quý đối tác.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT.



2/24

2.

3.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5752180855

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 4 năm 2011.

Chứng nhận thay đổi lần thứ 01: Ngày 27 tháng 02 năm 2015.

Chứng nhận thay đổi lần thứ 02: Ngày 22 tháng 5 năm 2017.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000135 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải lần đầu ngày 26 tháng 4 năm 2011 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 27 tháng 02 năm 2015;

Căn cứ công văn số 1804/UBND-KT ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải nộp ngày 20/3/2017;

Theo báo cáo của Giám đốc Văn phòng Phát triển Kinh tế tại công văn số 221/EDO-ĐT ngày 22/5/2017.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: **XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN RONG SỤN.**

Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000135 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải lần đầu ngày 26/4/2011 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 27/02/2015.

Đăng ký điều chỉnh nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải, mục tiêu và quy mô của dự án.

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI.

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 4500475048 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 14/3/2011 và cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 20/02/2017.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Dũng;

Ngày sinh: 25/7/1956; Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số: 142050165; Ngày cấp: 29/10/2008;

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương;

Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 73, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện tại: Số 73, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến rong sụn nhằm cung cấp bột rong sụn, bột carrageenan, thạch rau câu và nước rau câu cho thị trường trong nước và xuất khẩu, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

- Quy mô dự án: Nhà máy chế biến rong sụn có công suất 300 tấn bột rong sụn/năm, 3.000 tấn thạch rau câu/năm và 3.000 tấn nước rau câu/năm.

- Quy mô xây dựng gồm các hạng mục công trình chính như: Nhà điều hành, tổng kho nguyên vật liệu, tổng kho thành phẩm, bể chứa nước sản xuất, khu sản xuất chế biến, hệ thống xử lý nước thải, sân phơi nguyên liệu, sân phơi thành phẩm và các công trình phụ trợ khác.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Công Hải và xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích đất dự kiến sử dụng: 7,68 ha.

4. Tổng vốn đầu tư của dự án: 150.000.000.000 đồng; trong đó, vốn tự có của Chủ đầu tư là 90.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 60%), còn lại là vốn vay.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 26/4/2011.

6. Tiến độ thực hiện dự án: Hoàn thành thủ tục đầu tư và triển khai xây dựng, đưa dự án vào hoạt động trong vòng 46 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, cụ thể:

- Hoàn thành các thủ tục đầu tư, thuê đất, xây dựng, môi trường và các thủ tục liên quan khác 03 tháng: Từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2011.

- Khởi công xây dựng: Tháng 8/2011.

- Hoàn thành xây dựng nhà xưởng, mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị 39 tháng: Từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2014.

- Vận hành chạy thử dây chuyền sản xuất, hiệu chỉnh 04 tháng: Từ tháng 01/2015 đến tháng 3/2015.

- Đưa nhà máy vào hoạt động sản xuất kinh doanh: Tháng 4/2015.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- Về tiền thuê đất: Dự án được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và 11 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa dự án vào hoạt động, theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Điểm c, Khoản 10, Điều 2 Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005.

Trường hợp dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thời gian xây dựng cơ bản cao hơn thì được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước, quy định tại Khoản 2, Điều 19 Mục 2, Chương II Nghị định số 46/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất sau khi làm các thủ tục để được miễn, giảm; trường hợp chậm làm thủ tục miễn, giảm thì khoảng thời gian chậm làm thủ tục không được miễn, giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 6, Điều 18 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 2, Điều 5 Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016.

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

+ Trường hợp doanh nghiệp bổ sung thêm hoạt động chế biến sâu hơn đối với sản phẩm bột rong biển để tạo thành các sản phẩm khác như: Thạch rau câu, nước rau câu thuộc trường hợp đầu tư mở rộng, do đó được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế TNDN theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (bao gồm mức thuế suất, thời gian miễn giảm nếu có) hoặc được áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới (miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, không được hưởng mức

thuế suất ưu đãi) đối với phân thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại, quy định tại Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN và khoản 4, Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư dự án đầu tư phát sinh doanh thu quy định tại khoản 5, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

Để được hưởng ưu đãi thuế TNDN nêu trên, dự án đầu tư mở rộng phải đáp ứng một trong ba tiêu chí quy định tại khoản 4, Điều 10 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính; đồng thời doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện áp dụng ưu đãi thuế quy định tại Điều 19 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và khoản 17, 18 và 19 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Riêng hoạt động chế biến rong biển thuộc lĩnh vực chế biến thủy sản theo Quyết định 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó kể từ kỳ tính thuế năm 2015 thu nhập từ hoạt động chế biến rong biển được miễn thuế TNDN quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Để được miễn thuế TNDN nêu trên, thu nhập từ chế biến rong biển phải đáp ứng đồng thời các điều kiện quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP. Trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định, dự án được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế TNDN (thuế suất và thời gian miễn, giảm) cho thời gian còn lại theo Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp.

Điều 3. Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải có trách nhiệm:

- Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng nội dung, tiến độ đã cam kết và các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp. Quá trình thực hiện dự án cần tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp vi phạm tiến độ triển khai thực hiện dự án theo từng mốc thời gian, vi phạm nội dung và quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ hủy bỏ chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm theo quy định Luật Đầu tư. Văn bản báo cáo gửi về Sở Kế

hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

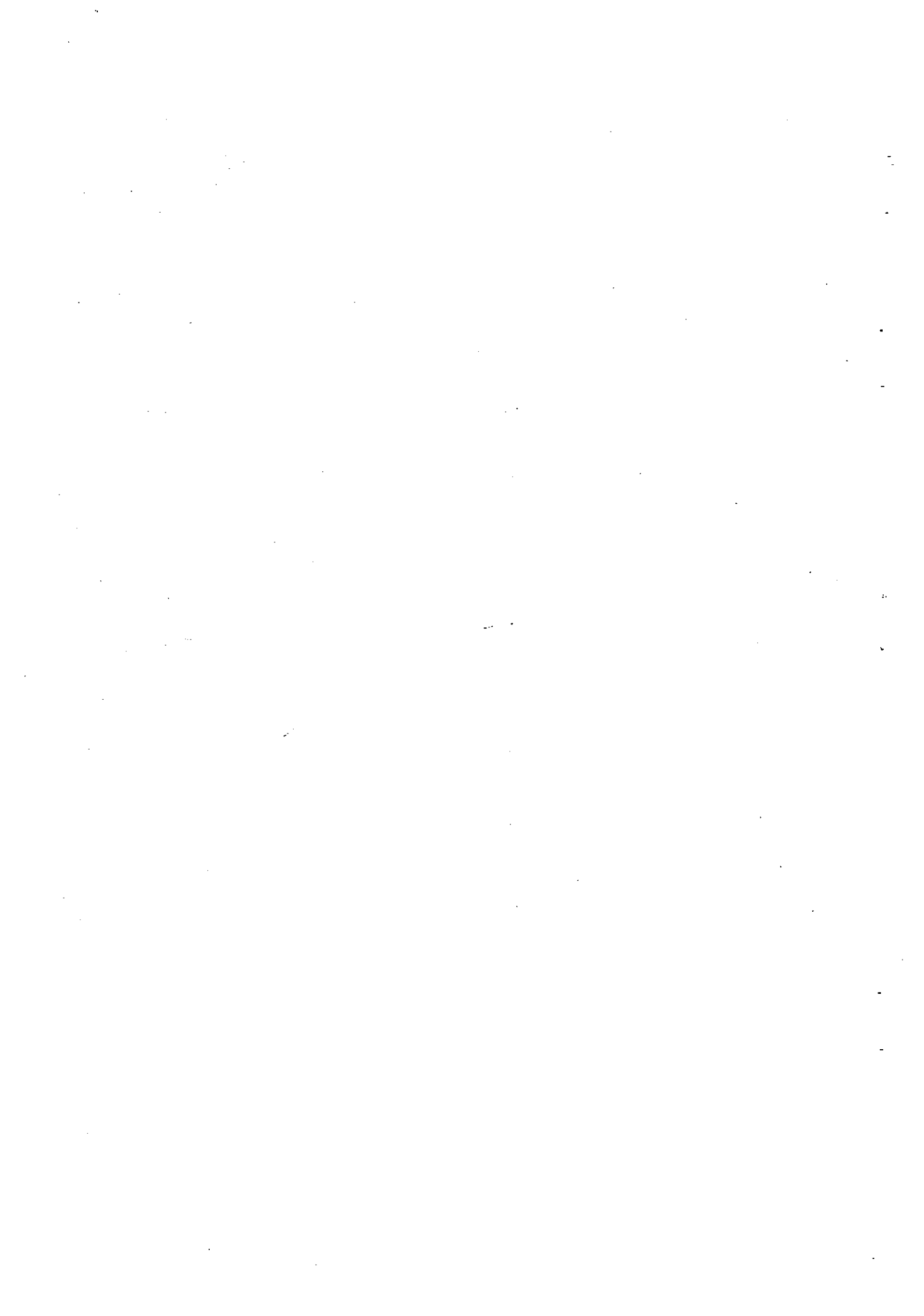
Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000135 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 26 tháng 4 năm 2011 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 27 tháng 02 năm 2015.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản được lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

GIÁM ĐỐC



Phạm Đồng



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5752180855

Chứng nhận lần đầu: Ngày 26 tháng 4 năm 2011;
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1: Ngày 27 tháng 02 năm 2015;
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2: Ngày 22 tháng 5 năm 2017;
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 3: Ngày 29 tháng 10 năm 2024.

Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000135 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải lần đầu ngày 26 tháng 4 năm 2011 và cấp điều chỉnh lần thứ 01 ngày 27 tháng 02 năm 2015;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5752180855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp điều chỉnh lần thứ 02 ngày 22 tháng 5 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 82/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Công văn số 4945/UBND-KTTH ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH NINH THUẬN

Chứng nhận:

Dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 26/4/2011, cấp điều chỉnh lần thứ 1 ngày 27/02/2015 (mã số dự án 43121000135). Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp điều chỉnh lần thứ 2 ngày 22/5/2017, mã số dự án 5752180855, được đăng ký điều chỉnh về quy mô dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI.



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4500475048 do Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp chứng nhận lần đầu ngày 14/03/2011, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2022.

Địa chỉ trú sở chính: Thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 02593.670688. Email: raucausonhaint@gmail.com.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: Nguyễn Hữu Dũng. Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng giám đốc. Ngày sinh: 25/07/1956. Quốc tịch: Việt Nam.

Căn cước công dân số: 030056012982; Ngày cấp: 05/07/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 73, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Chỗ ở hiện nay: Số 73, đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn.

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng mới nhà máy chế biến rong sụn nhằm cung cấp bột rong sụn, bột carrageenan, thạch rau câu và nước rau câu cho thị trường trong nước và xuất khẩu, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

- Quy mô dự án: Nhà máy chế biến rong sụn có công suất 150 tấn bột Carrageenan/năm, 5.000 tấn thạch rau câu/năm, 5.000 tấn nước rau câu/năm.

- Quy mô xây dựng gồm các hạng mục công trình chính như: Nhà điều hành, tổng kho nguyên vật liệu, tổng kho thành phẩm, bể chứa nước sản xuất, khu sản xuất chế biến, hệ thống xử lý nước thải, sân phơi nguyên liệu, sân phơi thành phẩm và các công trình phụ trợ khác.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Công Hải và Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích đất sử dụng: 7,68ha.

4. Tổng vốn đầu tư dự án: 150.000.000.000 đồng; trong đó, vốn tự có của Chủ đầu tư là 90.000.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 60%), còn lại là vốn vay.

5. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 26/4/2011).

6. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Tiến độ hoàn thành thủ tục đầu tư và triển khai xây dựng, đưa dự án vào hoạt động trong vòng 46 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, cụ thể:

- Hoàn thành các thủ tục đầu tư, thuê đất, xây dựng, môi trường và các thủ tục tiên quan khác 03 tháng: từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2011.

- Khởi công xây dựng: tháng 8/2011.
- Hoàn thành xây dựng nhà xưởng, mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị 39 tháng: từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2014.
- Vận hành chạy thử dây chuyền sản xuất, hiệu chỉnh 04 tháng: từ tháng 01/2015 đến tháng 03/2015.
- Đưa nhà máy vào hoạt động sản xuất kinh doanh: tháng 4/2015.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Thực hiện ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và các cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng đối với từng loại ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Triển khai thực hiện dự án đúng nội dung, tiến độ đã cam kết và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Triển khai xây dựng các hạng mục công trình dự án phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
- Thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định khác có liên quan.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5752180855 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp điều chỉnh lần thứ 2, ngày 22 tháng 5 năm 2017.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản được lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

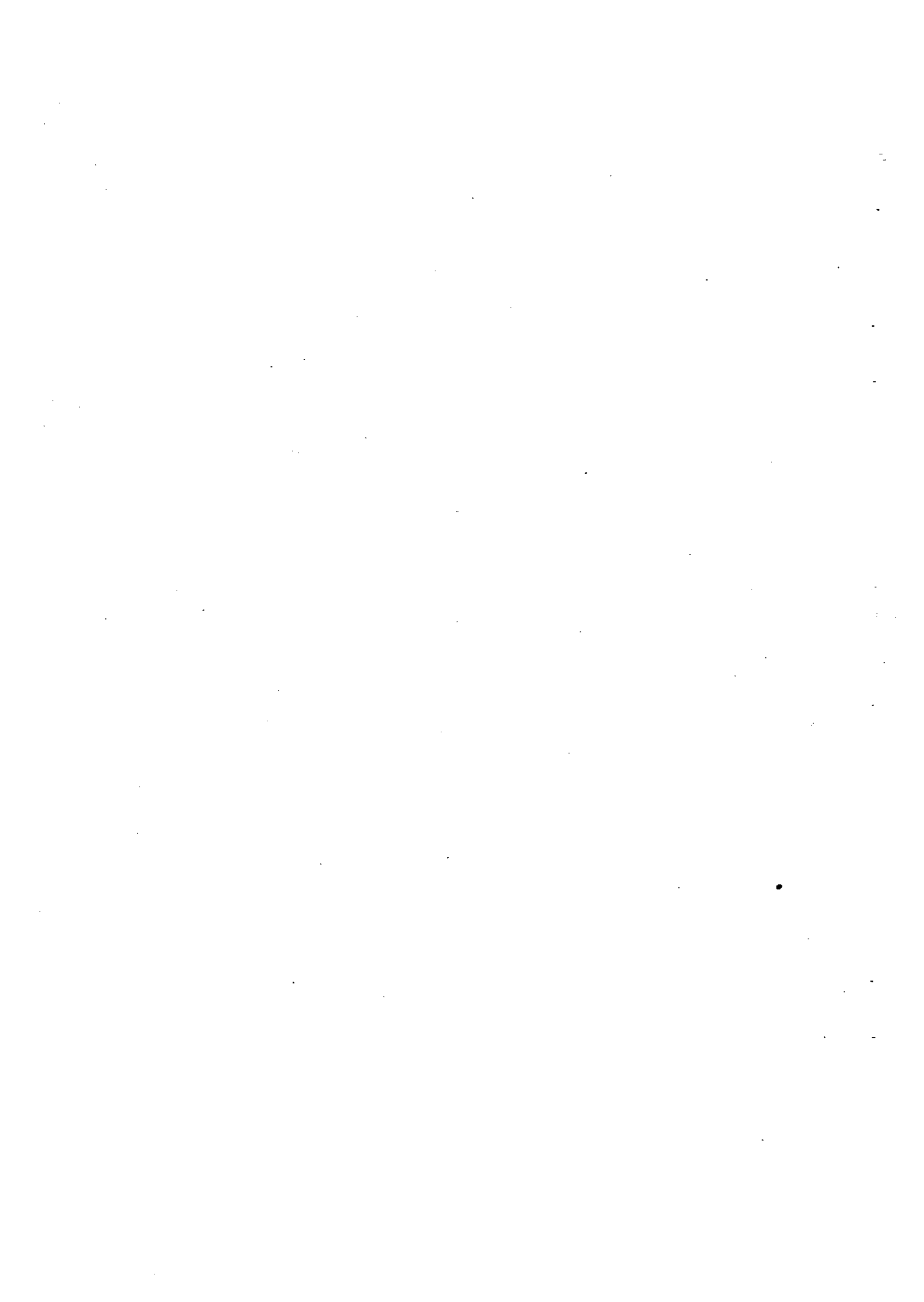
Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Bộ: KH&ĐT, NNPTNT, XD, TNMT;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Ngân hàng Nhà nước VN;
- Các Sở: TNMT, CT, NNPTNT, XD, GTVT;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- GB, PGĐ Sở (N.H.Sơn);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Lê Kim Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 61 /QB-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rong sụn tại xã Công Hải và Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rong sụn tại xã Công Hải và Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải họp ngày 30/5/2018 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rong sụn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 102/CV-SH ngày 24/12/2018 của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 60/TTr-STNMT ngày 05 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến rong sụn tại xã Công Hải và Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải (sau đây viết tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quy mô của Dự án:

- Diện tích sử dụng đất: 7,68 ha.

- Công suất: 300 tấn bột rong sụn/năm, 3.000 tấn thạch rau câu/năm và 3.000 tấn nước rau câu/năm.



2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Toàn bộ nước thải của Dự án phải được thu gom, xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp*) với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$ trước khi dẫn vào hồ sinh thái để xả thải vào nhánh của suối Vang. Tuyệt đối không được thải đồ nước thải của xử lý đạt quy chuẩn cho phép vào nhánh của suối Vang.

b) Thu gom và xử lý bụi, khí thải từ quá trình hoạt động sản xuất của Dự án và các lò hơi đạt giá trị cột B, QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường*).

c) Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý toàn bộ chất thải thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

d) Thực hiện đúng, đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

đ) Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

a) Tổ chức thực hiện nghiêm phương án phòng, chống, khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy, chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình hoạt động của Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro về môi trường.

b) Trong quá trình thi công xây dựng, hoạt động nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

c) Bảo đảm kinh phí để thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề

xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.


Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 21/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy chế biến rong sụn tại xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận của Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc; Giám đốc Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT và PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Chủ dự án (03 bản);
- UBND các xã: Công Hải và Lợi Hải;
- VPUB: CVP, PVP L.T.Dũng;
- Lưu: VT, KTTH. Hòa

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam

Số: 57 /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

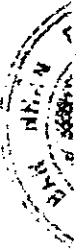
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Xét Văn bản số Văn bản số 94/CV-SH ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải về đề nghị cấp Giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4921/TTr-STNMT ngày 05 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải, địa chỉ tại thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến rong sụn tại xã Công Hải và Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy chế biến rong sụn.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Công Hải và xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4500475048 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 13 tháng 01



[Handwritten signature]

năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

1.4. Mã số thuế: 4500475048

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến rong sụn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Diện tích đất sử dụng: 58.895 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Công suất của Dự án: 300 tấn bột rong sụn/năm, 3.000 tấn thạch rau câu/năm và 3.000 tấn nước rau câu/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện

các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

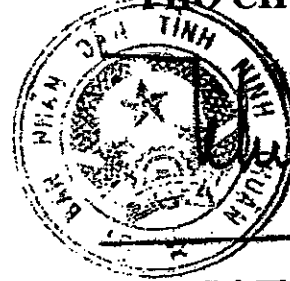
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến ngày 13 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Bắc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

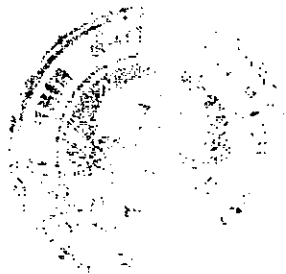
Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Chủ dự án (3b);
- Các Sở: TNMT, CT;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- UBND các xã: Lợi Hải và Công Hải;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền



PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và nước thải từ nhà ăn với lưu lượng 18 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ các phân xưởng sản xuất bột carrageenan, thạch rau câu, nước rau câu, nhân dừa và nước thải từ hoạt động vệ sinh máy móc, thiết bị, nhà xưởng với lưu lượng 400 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình làm mát, xả cặn đáy lò hơi, xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng 2 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 40:2011/BTNMT ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được thu gom vào hồ sinh thái, sau đó theo đường ống dẫn xả thải vào nhánh của suối Vang thuộc thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được xả vào nhánh của Suối Vang tại vị trí có tọa độ X = 1302048, Y = 0590275 (hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiếu 3°) thuộc thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 420 m³/ngày đêm, tương đương 17,5 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được thu gom vào hồ sinh thái, sau đó theo đường ống dẫn xả thải vào nhánh của suối Vang theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$ (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), cụ thể như sau:



STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không yêu cầu (Đã thực hiện quan trắc định kỳ)
2	BOD ₅	mg/l	45		
3	COD	mg/l	135		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90		
5	Clorua	mg/l	900		
6	Tổng Nitơ	mg/l	36		
7	Tổng Photpho	mg/l	5,4		
8	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên và nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng 02 bể tự hoại 03 ngăn (bể đặt tại khu vực văn phòng dung tích 10 m³ và bể đặt tại khu vực sản xuất dung tích 20 m³), sau đó được thu gom vào công trình xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất theo hệ thống mương và đường ống dẫn thu gom vào công trình xử lý nước thải tập trung xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình làm mát, xả cặn đáy lò, xử lý khí thải lò hơi theo mương dẫn thu gom vào công trình xử lý nước thải tập trung xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn (ngăn lắng, ngăn xử lý, ngăn chứa) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung → Xả vào nhánh của suối Vang.

- Số lượng bể: 02 bể.

- Dung tích của 02 bể tự hoại: 10 m³ và 20 m³.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải:

Nước thải → Bể tiếp nhận nước thải → Bể lắng tách bột đá → Bể điều hòa → Bể phản ứng keo tụ → Bể lắng sơ cấp → Bể sinh học yếm khí có lớp vật liệu ngập trong nước → Bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm vi sinh lơ lửng → Bể lắng

thứ cấp → Bể oxy hóa – khử trùng → Hồ sinh thái → Xả vào nhánh của suối Vang.

- Công suất thiết kế: 720 m³ nước thải/ngày đêm.
- Hoá chất sử dụng: Dung dịch H₂SO₄, PAC (Phèn nhôm), Ca(ClO)₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án có lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 420 m³/ngày đêm không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Công ty đã xây dựng hồ sự cố (dung tích 510 m³) bằng bê tông cốt thép.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phân công và bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của công trình xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành công trình xử lý nước thải đúng theo thiết kế; ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành công trình xử lý nước thải tập trung vào sổ nhật ký vận hành.

- Trường hợp công trình xử lý nước thải tập trung bị sự cố, toàn bộ nước thải của Dự án phải được thu gom vào hồ sự cố lưu chứa tạm thời cho đến khi công trình xử lý nước thải tập trung khắc phục xong thì bơm nước thải vào công trình xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị lắp đặt tại công trình xử lý nước thải tập trung đúng theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải tập trung đã được Công ty tổ chức vận hành thử nghiệm trong thời gian 04 tháng (từ ngày 01/11/2021 - 06/3/2022) và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra vào ngày 04/3/2022 theo quy định. Do đó, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường, công trình xử lý nước thải tập trung của dự án không phải vận hành thử nghiệm lại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước thải từ lò hơi của Dự án phải được xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đầy đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành công trình xử lý nước thải tập trung.

3.3 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của công trình xử lý nước thải tập trung.



[Handwritten signature]

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

Khí thải phát sinh từ buồng đốt lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt than, cùi tại buồng đốt lò hơi được quạt hút thu gom vào công trình xử lý khí thải (gồm có buồng lắng bụi và tháp rửa bụi) xử lý đạt quy chuẩn cho phép, sau đó, theo ống khói (đường kính 0,5 m và cao 14 m) xả ra môi trường.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt than, cùi tại buồng đốt lò hơi sau khi thu gom vào hệ thống xử lý khí thải xử lý theo ống khói xả ra môi trường tại vị trí có tọa độ X = 1300969; Y = 0589833 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°) thuộc thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

Lưu lượng khí thải của lò hơi (công suất 5 tấn hơi/giờ): 20.277 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải phát sinh từ quá trình đốt than, cùi tại buồng đốt của lò hơi sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép theo ống khói xả ra môi trường theo phương thức xả liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải từ buồng đốt lò hơi trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$ (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/N m ³	216	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 ND	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định
2	SO ₂	mg/N m ³	540		
3	NO _x (tính	mg/N	918		



[Handwritten signature]

	theo NO ₂)	m ³		08/2022/NĐ-CP	số 08/2022/NĐ-CP
4	CO	mg/N m ³	1.080		
5	O ₂	%	-		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, GIẢM THIỂU KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn khí thải phát sinh từ quá trình đốt than, cùi tại buồng đốt của lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ được quạt hút thu gom vào công trình xử lý khí thải xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Công trình xử lý khí thải của lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt than, cùi tại buồng đốt lò hơi → Quạt hút → buồng lắng bụi → Tháp rửa bụi → Ống khói có đường kính 0,5 m cao 14 m → Xả ra môi trường.

- Công suất quạt hút: 40.000 m³ khí/giờ.

1.3. Hệ thống quan trắc khí thải tự động: Nguồn khí thải lò hơi không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động.

1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi hoạt động của công trình xử lý khí thải lò hơi.

- Vận hành công trình xử lý khí thải đúng theo thiết kế; ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành của công trình xử lý khí thải vào sổ nhật ký vận hành.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị lắp đặt tại công trình xử lý khí thải đúng theo hướng dẫn của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ đã được Công ty tổ chức vận hành thử nghiệm hơn 04 tháng (từ ngày 01/11/2021 - 6/3/2022) và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra vào ngày 04/3/2022 theo quy định. Do đó, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường, công trình xử lý khí thải lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ của dự án không phải vận hành thử nghiệm lại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Khí thải lò hơi của Dự án phải được thu gom, xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý khí thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.





Phụ lục 3



**TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh tiếng ồn: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phân xưởng sản xuất và khu vực đặt lò hơi.

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất bột rong sụn.
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất thạch rau câu và nước rau câu.
- Nguồn số 03: Khu vực lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất bột rong sụn có tọa độ: X = 1301018; Y = 0589872.
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất thạch rau câu và nước rau câu có tọa độ: X = 1301006; Y = 0589930.
- Nguồn số 03: Khu vực Khu vực lò hơi có tọa độ: X = 1300969; Y = 0589833.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^{\circ}15'$ múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Lắp đặt đệm chống rung tại các chân máy và thiết bị phát sinh tiếng ồn, rung.

1.2. Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

2.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn, độ rung không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 805 kg/năm. Thành phần chủ yếu là: bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau nhiễm dầu nhớt, pin ắc quy thải; dầu động cơ, dầu hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải,...

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên trong quá trình sản xuất khoảng 1.090 kg/ngày (khoảng 327.000 kg/năm). Thành phần chủ yếu là bìa các tông, giấy vụn, hộp nhựa hỏng, bao bì nhựa, tem hỏng, sản phẩm hỏng, bã rong sụn, tro xỉ lò hơi; bùn từ công trình xử lý nước thải,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 50 kg/ngày (khoảng 15.000 kg/năm). Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng phuy và thùng nhựa.
- Khu vực lưu chứa tạm thời (diện tích 28 m²): Tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**2.2.1. Đối với chất thải tại các nhà xưởng sản xuất:**

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa.
- Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải công nghiệp thông thường (diện tích 102 m²): Tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng.

2.2.2. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được thu gom vào bể chứa (dung tích 87,5 m³, xây bằng gạch) lưu chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.



2.2.3. Đối với tro xỉ từ quá trình đốt than đá, củi tại lò hơi:

Tro xỉ từ quá trình đốt nhiên liệu than đá, củi tại buồng đốt lò hơi được thu gom vào kho diện tích 12,8 m² (tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng) lưu chứa và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa dung tích 50 lít có nắp đậy.
- Khu vực tập kết: Đặt cạnh khu vực kho chứa chất thải công nghiệp thông thường và định kỳ chuyển giao cho đội vệ sinh xã Lợi Hải thu gom, vận chuyển đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng theo quy định.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường

được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.





Phụ lục 5



CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 57 /GPMT-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn về đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

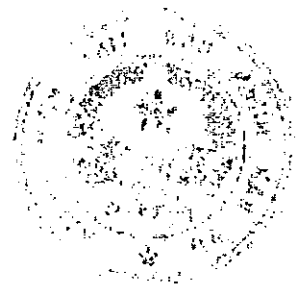
2. Thực hiện phân định, phân loại các loại, bố trí khu vực lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/0/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình hoạt động của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, an toàn hóa chất, giao thông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 603 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn (Cải tạo, điều chỉnh công suất: Bột Carrageenan từ 300 tấn/năm xuống còn 150 tấn/năm; thạch rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm và nước rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm), xã Thuận Bắc và xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây);

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải tại Văn bản số 16/2026/CV-SH ngày 15 tháng 01 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 88 /TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 04. tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn (Cải tạo, điều chỉnh công suất: Bột Carrageenan từ 300 tấn/năm xuống còn 150 tấn/năm; thạch rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm và nước rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm) (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải (sau đây gọi là Chủ dự án), thực hiện tại xã Thuận Bắc và xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án tại Điều 1 của Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thuận Bắc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Công Hải; Giám đốc Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- UBND xã Thuận Bắc;
- UBND xã Công Hải;
- Chủ dự án;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 773/QĐ-UBND ngày 24/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ MÁY CHẾ BIẾN RONG SỤN (CẢI TẠO, ĐIỀU CHỈNH CÔNG SUẤT: BỘT CARRAGEENAN TỪ 300 TẤN/NĂM XUỐNG CÒN 150 TẤN/NĂM; THẠCH RAU CÂU TỪ 3.000 TẤN/NĂM LÊN 5.000 TẤN/NĂM VÀ NƯỚC RAU CÂU TỪ 3.000 TẤN/NĂM LÊN 5.000 TẤN/NĂM), XÃ THUẬN BẮC VÀ XÃ CÔNG HẢI, TỈNH KHÁNH HÒA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI.

(Kèm theo Quyết định số 603 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: Dự án Xây dựng nhà máy chế biến rong sụn (Cải tạo, điều chỉnh công suất: Bột Carrageenan từ 300 tấn/năm xuống còn 150 tấn/năm; thạch rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm và nước rau câu từ 3.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm) (sau đây viết tắt là Dự án), xã Thuận Bắc và xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải (sau đây viết tắt là Chủ dự án).

- Địa điểm thực hiện: xã Thuận Bắc và xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải.

- Địa chỉ liên hệ: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Quy mô Dự án:

Tổng diện tích 58.895 m² được không chế bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
1	1300989,14	589752,95	14	1301165,60
2	1300970,83	589823,80	15	1301163,90
3	1300958,62	589864,18	16	1301162,76
4	1300951,41	589892,17	17	1301185,59
5	1300948,30	589920,90	18	1301131,22
6	1300988,16	589943,34	19	1301127,55

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°		Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)	X (m)	Y (m)
7	1301030,15	589967,71	20	1301093,44
8	1301264,64	589928,74	21	1301084,57
9	1301210,81	589889,36	22	1301077,20
10	1301195,72	589881,00	23	1301198,90
11	1301183,72	589873,55	24	1301095,21
12	1301172,51	589862,50	25	1301185,26
13	1301168,73	589856,48	26	1301130,90
Diện tích 58.895 m²				

b) Công suất:

- Công suất 150 tấn bột Carrageenan/năm, 5.000 tấn thạch rau câu/năm và 5.000 tấn nước rau câu/năm.

c) Thời gian hoạt động của Dự án: 50 (Năm mươi) năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (26/4/2011).

1.3. Công nghệ sản xuất:

- Công nghệ sản xuất chung của Dự án:

Rong nguyên liệu → Bột rong sụn (carrageenan) → Bột rong sụn; Thạch rau câu; Nước rau câu → Sản phẩm.

- Công nghệ sản xuất Bột rong sụn (carrageenan): Rong nguyên liệu → sàng tách muối → xử lý kiềm → Ngâm rửa lần 1, 2, 3 → Nấu chiết → Ép tách bã → Cô đặc bằng KCL → Ép tách nước → Phá tảng, ép kiệt, cắt sấy → Nghiền bột, đóng bao → Bảo quản, xuất xưởng.

- Công nghệ sản xuất Thạch rau câu: Bột rau câu (Bổ sung nước, đường) → Nấu lần 1 → Lọc → Nấu lần 2 (Bổ sung hương hoa quả và phụ gia thực phẩm) → Máy nạy sản phẩm (Bổ sung nhân dừa) → Thanh trùng → Sấy khô → Đóng gói → Bảo quản, xuất xưởng.

- Công nghệ sản xuất Nước rau câu: Bột rau câu (bổ sung nước, đường) → Nấu lần 1 → Nấu lần 2 (Bổ sung hương hoa quả và màu thực phẩm) → Lọc tạp chất → Máy đóng nắp sản phẩm → Thanh trùng → Bảo quản, xuất xưởng.

1.4. Phạm vi:

- Các hạng mục công trình chính: Bao gồm nhà văn phòng (nhà điều hành), nhà khách, khu xưởng sản xuất (thạch, bột carrageenan), các loại kho (nguyên liệu, thành phẩm; bao bì, rong; vật tư, dụng cụ; dừa; hóa chất), nhà thí nghiệm, nhà ăn công nhân và xưởng phụ trợ (nhà cơ khí).

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Bao gồm nhà bảo vệ, nhà thờ, nhà để máy nén khí, khu tháp nước, hồ chứa nước, hồ chứa sinh thái và hàng rào...

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Bao gồm hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNT) công suất 720 m³/ngày đêm, khu tập kết rác thải sinh hoạt, khu lưu giữ chất thải nguy hại (28 m²) và chất thải rắn công nghiệp thông thường (102 m²).

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có sử dụng 58.895 m² đất thuộc vùng đệm của khu dự trữ sinh quyển Vườn quốc gia Núi Chúa. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường. Dự án thuộc cột 4 số thứ tự 16 Phụ lục II và số thứ tự số 01, 05, 10 Phụ lục IV Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, thuộc Danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công điều chỉnh các hạng mục công trình:

- Khu vực xây dựng: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn, độ rung; chất thải rắn (*chất thải sinh hoạt, chất thải xây dựng*); nước thải (*nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng*); chất thải nguy hại tác động đến môi trường xung quanh.

- Khu vực nhà máy: Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải; tiếng ồn, độ rung; chất thải rắn (*chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung...*); nước thải (*nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất*); chất thải nguy hại tác động đến môi trường xung quanh.

2.2. Giai đoạn vận hành Dự án: Chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất; chất thải rắn (*chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất, bùn từ trạm xử lý nước thải tập trung...*); bụi, khí thải; tiếng ồn, độ rung tác động đến môi trường xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nước thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt công nhân xây dựng phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni

Số 10/2025/ĐK-ĐTN

(tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

+ Nước thải thi công xây dựng các hạng mục và nước xả thừa trong quá trình trộn bê tông, nước xả bảo dưỡng bê tông với lưu lượng khoảng 1 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS).

- Khu vực nhà máy đang hoạt động: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 13,7 m³/ngày, nước thải từ quá trình sản xuất phát sinh khoảng 402 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Coliform,...

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 13,7 m³/ngày, nước thải sản xuất phát sinh khoảng 375,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform,...

3.1.2. Khí thải:

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Khu vực xây dựng: Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂,...) từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, thi công các hạng mục công trình,...

- Khu vực nhà máy đang hoạt động: Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂,...) từ hoạt động lưu thông phương tiện giao thông ra vào và quá trình sản xuất, quá trình hoạt động của lò hơi và mùi hôi từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, khu vực tập trung rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b. Giai đoạn vận hành:

Bụi, khí thải (CO, SO₂, NO₂,...) từ hoạt động lưu thông phương tiện giao thông ra vào và quá trình sản xuất, quá trình hoạt động của lò hơi. Và mùi hôi từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, khu vực tập trung rác thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Chất thải rắn:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: Bao gồm sắt, gỗ vụn, bao bì nguyên vật liệu,... khoảng 20 kg/ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Từ quá trình sinh hoạt của công nhân với lượng thải khoảng 18 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn dư thừa.

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt công nhân: Từ quá trình sinh hoạt của công nhân với lượng thải khoảng 123,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn,

bao bì và thức ăn dư thừa...

+ Chất thải rắn sản xuất (công nghiệp thông thường): Bìa carton, hộp nhựa hỏng, giấy vụn thải, sản phẩm hỏng, bã rong sụn, các tạp chất từ quá trình sàng rong: đất, cát, lượng muối bám bề mặt rong, xỉ than, bùn thải, chất thải từ cột lọc kim loại, cột lọc hữu cơ, cột lọc ion... với khối lượng thải khoảng 1.095,8 kg/ngày.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Từ quá trình sinh hoạt của công nhân với lượng thải khoảng 123,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn dư thừa...

- Chất thải rắn sản xuất (công nghiệp thông thường): Bìa carton, hộp nhựa hỏng, giấy vụn thải, sản phẩm hỏng, bã rong sụn, các tạp chất từ quá trình sàng rong: đất, cát, lượng muối bám bề mặt rong, xỉ than, bùn thải,... với khối lượng thải khoảng 604,85 kg/ngày. Ngoài ra, còn có chất thải từ quá trình lọc nước sạch gồm các thành phần: Chất thải cột lọc kim loại, cột lọc hữu cơ, cột lọc ion. Khối lượng thải khoảng 4.272 kg/5 năm.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng: chủ yếu phát sinh các loại thiết bị sơn có chứa thành phần nguy hại, dầu nhớt thải từ quá trình hoạt động của máy móc, khoảng 25 kg/6 tháng (thời gian thi công xây dựng chỉ trong vòng 6 tháng).

- Khu vực nhà máy đang hoạt động: phát sinh từ quá trình sản xuất, thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bóng đèn, pin, ắc quy thải, que hàn thải, bùn từ HTXLNT... khoảng 1874,2 kg/năm chất thải nguy hại.

b. Giai đoạn vận hành:

Thành phần CTNH gồm: Pin, ắc quy thải, giẻ lau dính dầu nhớt, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử và dầu nhớt thải; lượng thải khoảng 1874,2 kg/năm chất thải nguy hại.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

+ Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông; máy móc thiết bị thi công. Tác động do tiếng ồn gây ra khi các máy móc hoạt động cùng lúc với khoảng cách tính toán là 120 m thì các đối tượng chịu tác động trong phạm vi này là toàn bộ các hộ dân xung quanh ranh giới dự án, nhất là các hộ dân gần khu vực của dự án.

+ Độ rung từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thi công tại dự án. Phạm vi chịu tác động chủ yếu là các đối tượng nằm trong bán kính 15 - 60 m tính từ nguồn rung trở đi. Tuy nhiên, các nhà dân đều cách xa dự

HỒ SƠ DỰ ÁN

án trên 600 m, nên tác động đến người dân là không xảy ra.

- Khu vực nhà máy đang hoạt động::

+ Tiếng ồn từ thiết bị phục vụ cho dây chuyền công nghệ sản xuất. Cường độ ồn phụ thuộc vào tính năng, công suất và tình trạng kỹ thuật của thiết bị...

+ Độ rung từ hoạt động máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất. Phạm vi chịu tác động chủ yếu là công nhân trong nhà máy. Tuy nhiên, tại nhà máy đã sử dụng các loại máy móc hiện đại và Công ty trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đầy đủ nên tác động đến công nhân là rất ít.

b. Giai đoạn vận hành:

- Tiếng ồn từ thiết bị phục vụ cho dây chuyền công nghệ sản xuất. Cường độ ồn phụ thuộc vào tính năng, công suất và tình trạng kỹ thuật của thiết bị...

- Độ rung từ hoạt động máy móc thiết bị và dây chuyền sản xuất. Phạm vi chịu tác động chủ yếu là công nhân trong nhà máy.

3.4. Các tác động khác:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Khu vực xây dựng: Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác; tai nạn lao động; cháy nổ; nhiệt và ánh sáng;...

+ Khu vực nhà máy đang hoạt động: Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác; tai nạn lao động; cháy nổ; hóa chất; hệ thống xử lý nước thải và khí thải...

- Giai đoạn vận hành: Tác động đến đa dạng sinh học, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, các yếu tố nhạy cảm khác; hệ thống xử lý nước thải và khí thải; tai nạn lao động; điện; cháy nổ; an toàn thực phẩm; hóa chất...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt công nhân: Công nhân sử dụng khu nhà vệ sinh của nhà máy hiện có để phục vụ sinh hoạt, nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tiếp tục dẫn về hệ thống XLNT tập trung với công suất 720 m³/ngày đêm tiếp tục xử lý.

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt: Cửa cán bộ và nhân viên tại các khu nhà vệ sinh của nhà máy, nước thải khu căn tin và nước rửa tay của công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tiếp tục dẫn về hệ thống XLNT tập trung với công suất 720 m³/ngày đêm tiếp tục xử lý.

+ Nước thải sản xuất: Nước thải vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng và nước thải ngâm rửa ở xưởng bột, xưởng thạch và nước thải từ quá trình làm mát, xả cặn đáy lò, xử lý khí thải của các lò hơi được thu gom và dẫn về hệ thống XLNT tập trung tiếp tục xử lý, với công suất 720 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt cột B (F < 2000), QCVN 40:2025/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp). Nước thải sau xử lý thải vào nhánh của suối Vang có tọa độ: x = 1302048, y = 0590275 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°). Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn qua hệ thống mương hở bê tông cốt thép có kích thước (0,65x0,4) m, chiều dài khoảng 105m và tiếp tục dẫn qua hệ thống ống tròn được đặt ngầm có đường kính D = 200 mm chiều dài khoảng 1.151 m, cuối cùng chảy ra Suối Vang theo phương thức tự chảy.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải tại các khu nhà vệ sinh của nhà máy, nước thải khu căn tin và nước rửa tay của công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Toàn bộ nước thải sinh hoạt tiếp tục dẫn về hệ thống XLNT tập trung với công suất 720 m³/ngày đêm tiếp tục xử lý.

- Nước thải sản xuất: Nước thải vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng và nước thải ngâm rửa ở xưởng bột, xưởng thạch và nước thải từ quá trình làm mát, xả cặn đáy lò, xử lý khí thải của các lò hơi được thu gom và dẫn về hệ thống XLNT tập trung tiếp tục xử lý, với công suất 720 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt cột B (F < 2000), QCVN 40:2025/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp). Nước thải sau xử lý thải vào nhánh của suối Vang có tọa độ: x = 1302048, y = 0590275 (Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiều 3°). Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn qua hệ thống mương hở bê tông cốt thép có kích thước (0,65x0,4)m, chiều dài khoảng 105m và tiếp tục dẫn qua hệ thống ống tròn được đặt ngầm có đường kính D = 200 mm chiều dài khoảng 1.151 m, cuối cùng chảy ra Suối Vang theo phương thức tự chảy.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng: Điều tiết lượng xe lưu thông vận chuyển với thời gian hợp lý vận chuyển của các phương tiện; thường xuyên quét dọn và dọn vệ sinh hàng ngày vào các giờ quy định tại khu vực trong và khu vực ra vào dự án...

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

+ Khí thải từ hoạt động của lò hơi: 01 lò hơi công suất 5 tấn hơi/h/lò. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

+ Bụi tại xưởng sản xuất bột Caramen: Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859
860
861
862
863
864
865
866
867
868
869
870
871
872
873
874
875
876
877
878
879
880
881
882
883
884
885
886
887
888
889
890
891
892
893
894
895
896
897
898
899
900
901
902
903
904
905
906
907
908
909
910
911
912
913
914
915
916
917
918
919
920
921
922
923
924
925
926
927
928
929
930
931
932
933
934
935
936
937
938
939
940
941
942
943
944
945
946
947
948
949
950
951
952
953
954
955
956
957
958
959
960
961
962
963
964
965
966
967
968
969
970
971
972
973
974
975
976
977
978
979
980
981
982
983
984
985
986
987
988
989
990
991
992
993
994
995
996
997
998
999
1000

lao động, thường xuyên vệ sinh và bố trí hệ thống thông gió.

+ Mùi hôi từ hoạt động vệ sinh môi trường: Thường xuyên vệ sinh, nạo vét hệ thống cống rãnh với định kỳ 1 năm/lần (trước mùa mưa bão) đảm bảo hệ thống mương thu gom luôn hoạt động tốt, nước thải không bị ứ đọng gây mùi. Ngoài ra, tại các xưởng sản xuất phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

b. Giai đoạn vận hành:

- Khí thải từ các phương tiện giao thông: Lập bảng nội quy và đội vệ sinh thường xuyên quét dọn thu gom chất thải.

- Khí thải từ hoạt động của lò hơi: Lắp đặt thêm 01 lò hơi mới, tổng có 02 lò hơi với công suất 5 tấn hơi/h/lò. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

- Bụi tại xưởng sản xuất bột Caramen: Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, thường xuyên vệ sinh và bố trí hệ thống thông gió.

- Mùi hôi từ hoạt động vệ sinh môi trường: Thường xuyên vệ sinh, nạo vét hệ thống cống rãnh với định kỳ 1 năm/lần (trước mùa mưa bão) đảm bảo hệ thống mương thu gom luôn hoạt động tốt, nước thải không bị ứ đọng gây mùi. Ngoài ra, tại các xưởng sản xuất phải thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng: Từ hoạt động thi công xây dựng như gạch đá vụn sẽ được tận dụng đắp các khu vực trũng trong khuôn viên đất của dự án. Những vật liệu nào không tận dụng được sẽ phân loại sau đó chuyển giao cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận thu gom, vận chuyển về xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Các xưởng, nhà ăn, khu văn phòng... được đặt sọt rác (50 lít) xung quanh, mỗi khu đặt 3 sọt rác. Hằng ngày, nhân viên vệ sinh của Công ty thu gom vào 03 thùng rác nhựa composite 240 lít/thùng, sau đó chuyển giao cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận thu gom, vận chuyển về xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

+ Tro xỉ phát sinh từ lò hơi (nguyên liệu đốt: than, củi) thu gom vào kho (diện tích 12,8 m², kích thước 4 m x 3,2 m) tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, đặt tại khu vực đặt lò hơi, thường xuyên tưới nước bề mặt tro xỉ để tạo ẩm làm nguội tro đồng thời để tro bụi không phát tán ra bên ngoài. Hằng ngày, lượng tro xỉ này được Chủ dự án đưa đi cải tạo đất trong khu vực.

+ Bã rong sụn: Thu gom trái bọt phơi khô gần kho lưu trữ chất thải công nghiệp, đóng bao tập kết về nhà chứa có diện tích khoảng 50 m² có mái che và nền bê tông, vách xây bằng gạch cao khoảng 1,2 m, trong khuôn viên nhà máy

định kỳ chuyển cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận để thu gom bã rong sụn.

+ Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu trữ ở bể chứa bùn, cuối năm Chủ dự án chuyển giao cho Công ty TNHH Vệ Sinh Hải Hà vận chuyển đi xử lý.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Các xưởng, nhà ăn, khu văn phòng... được đặt sọt rác (50 lít) xung quanh, mỗi khu đặt 3 sọt rác. Hằng ngày cho nhân viên vệ sinh của Công ty thu gom vào 03 thùng rác nhựa composite 240 lít/thùng, sau đó chuyển giao cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận thu gom, vận chuyển về xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Bìa carton, hộp nhựa, giấy vụn thải, can nhựa, tem; Sản phẩm hỏng, chất thải từ quá trình sàng rong: khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường (diện tích 102 m²): Tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, khu vực này được ngăn ra thành 05 phòng, mỗi phòng có kích thước (dài 5 m x rộng 4,1 m) đặt cách khu vực nhà văn phòng 70 m về phía Đông Bắc. Các chất thải công nghiệp thông thường thu gom, chuyển về kho lưu trữ chất thải, sau đó chuyển giao cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận xử lý.

- Bã rong sụn: Thu gom trái bọt phơi khô gần kho lưu trữ chất thải công nghiệp, đóng bao tập kết về nhà chứa có diện tích khoảng 50 m² có mái che và nền bê tông, vách xây bằng gạch cao khoảng 1,2 m, trong khuôn viên nhà máy định kỳ chuyển cho Công ty TNHH XD - TM & SX Nam Thành Ninh Thuận để thu gom bã rong sụn.

- Tro xỉ từ lò hơi (nguyên liệu đốt: than, củi) thu gom vào kho (diện tích 12,8 m², kích thước 4 m x 3,2 m) tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, đặt tại khu vực đặt lò hơi, thường xuyên tưới nước bề mặt tro xỉ để tạo ẩm làm nguội tro đồng thời để tro bụi không phát tán ra bên ngoài. Hằng ngày, lượng tro xỉ được Chủ dự án đưa đi cải tạo đất trong khu vực.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được lưu trữ ở bể chứa bùn, cuối năm Chủ dự án chuyển giao cho Công ty TNHH Vệ Sinh Hải Hà vận chuyển đi xử lý.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn nguy hại:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng: Chất thải nguy hại được thu gom phân loại và đựng trong 04 thùng phuy có các mã chất thải nguy hại: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải với mã số 17 02 03; chất liệu hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại với mã 18 02 01; cặn sơn, sơn và vec ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải với mã 08 01 01; bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải với mã 18 01 03. Sau đó chuyển về kho chứa CTNH có diện tích kho 28,0 m² tường gạch, mái tôn, nền xi măng có kích thước (dài 6 m x rộng 4,5 m); có gờ cao chống tràn. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng đảm bảo theo quy định của Thông tư số 02/2022-BTNMT ngày 10/01/2022. Sau đó chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường xanh PEDACO vận chuyển và xử lý định kỳ 01 lần/năm.

- Khu vực nhà máy đang hoạt động: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và đựng trong 07 thùng phuy có nắp đậy với dung tích 50 lít/thùng có các mã chất thải nguy hại: Pin, ắc quy thải với mã 16 01 12; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải với mã 16 01 06; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải với mã 17 02 03; Chất liệu hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại với mã 18 02 01; Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) với mã 18 01 02; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải với mã 18 01 03; Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) với mã 18 01 01. Công ty đã xây dựng 01 kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích kho 28,0 m² tường gạch, mái tôn, nền xi măng có kích thước (dài 6 m x rộng 4,5 m); có gờ cao chống tràn. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng đảm bảo theo quy định của Thông tư số 02/2022-BTNMT ngày 10/01/2022. Sau đó chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường xanh PEDACO vận chuyển và xử lý định kỳ 01 lần/năm.

b. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và đựng trong 07 thùng nhựa và 02 thùng phuy với dung tích 50 lít/thùng có các mã chất thải nguy hại: Pin, ắc quy thải với mã 16 01 12; Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải với mã 16 01 06; Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải với mã 17 02 03; Chất liệu hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại với mã 18 02 01; Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) với mã 18 01 02; Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải với mã 18 01 03; Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) với mã 18 01 01. Công ty đã xây dựng 01 kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích kho 28,0 m² tường gạch, mái tôn, nền xi măng có kích thước (dài 6 m x rộng 4,5 m); có gờ cao chống tràn. Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng đảm bảo theo quy định của Thông tư số 02/2022-BTNMT ngày 10/01/2022. Sau đó chuyển

giao cho Công ty Cổ phần môi trường xanh PEDACO vận chuyển và xử lý định kỳ 01 lần/năm.

c. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

+ Bố trí thời gian làm việc hợp lý, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh.

+ Bố trí cự ly và phân bố thời gian hoạt động hợp lý của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng,...

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

+ Đặt máy móc ở nơi có nền phẳng có khoảng cách hợp lý các nguồn phát sinh tiếng ồn ra các vị trí riêng biệt thông qua bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh khả năng cộng hưởng mức ồn do nhiều máy móc hoạt động cùng lúc.

+ Thường xuyên kiểm tra và theo dõi chặt việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động của công nhân, tránh trường hợp có thiết bị bảo hộ lao động mà không sử dụng.

Chủ dự án cam kết mức ồn, rung gây ra do các hoạt động liên quan đến dự án sẽ đạt quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b. Giai đoạn vận hành:

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân (giày dép, mũ, quần áo, găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang ...).

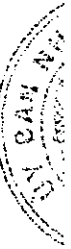
- Đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, nghỉ ngơi cho công nhân.

- Ngoài ra chủ dự án trồng nhiều cây xanh để góp phần giảm tiếng ồn.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện theo quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến đa dạng sinh học của VQG Núi Chúa:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường từ các tác



động dự án, đảm bảo các yếu tố môi trường đều đạt quy chuẩn cho phép theo quy định.

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ, nhân viên trong nhà máy và phối hợp với địa phương tuyên truyền đến người dân sống trong vùng đệm.

4.5. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án:

a. Giai đoạn xây dựng:

- Khu vực xây dựng:

* *Nhiệt và ánh sáng*: Chọn vị trí hàn thông thoáng, có quạt thông gió. Trang bị mặt nạ che chắn, đồ bảo hộ lao động và đeo kính bảo hộ chống được tia cực tím để tránh tiếp xúc với tia UV trong ánh sáng hàn có thể gây tác hại mãn tính cho mắt và da. Đảm bảo các vật liệu dễ cháy phải được lưu trữ ở xa các khu vực làm việc.

* *Sự cố cháy nổ*: Sử dụng an toàn điện trong khu vực; các nguyên vật liệu được tập kết đúng nơi quy định và được che chắn theo quy định về an toàn PCCC. Quy định nội quy an toàn cháy nổ cho công nhân.

* *Sự cố tai nạn lao động*:

- Khi dự án triển khai xây dựng, Chủ dự án sẽ thành lập ban chỉ huy công trường, ban an toàn lao động, xây dựng các nội quy, quy chế hoạt động trên công trường, áp dụng thực hiện bắt buộc đối với toàn bộ công nhân và quản lý hoạt động trên công trường.

- Có biển báo hiệu tại những nơi dễ xảy ra tai nạn.

- Toàn bộ công nhân phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động như: quần áo, khẩu trang, mũ nón, giày ủng, các bảo hộ đặc biệt đối với công nhân vận hành máy có nguồn ồn cao...

- Khu vực nhà máy đang hoạt động:

* *Sự cố cháy nổ*: Sử dụng an toàn điện trong khu vực; các nguyên vật liệu được tập kết đúng nơi quy định và được che chắn theo quy định về an toàn PCCC. Quy định nội quy an toàn cháy nổ cho công nhân.

* *Sự cố hóa chất*: Công ty đã bố trí máy bơm chuyên dụng và các bồn chứa dự phòng nếu có sự cố sẽ bơm chuyên qua các bồn nhỏ.

* *Sự cố an toàn thực phẩm*: Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau: Có hợp đồng về nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm an toàn và thực hiện đầy đủ chế độ kiểm thực 3 bước. Bảo đảm đầy đủ các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm về cơ sở, trang thiết bị dụng cụ và thực hiện nguyên tắc bếp một chiều. Nhân viên Công ty phải có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo đảm thực hành tốt

vệ sinh cá nhân.

* *Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống XLNT. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng và chất lượng nước thải cho hệ thống xử lý nước thải.

* *Sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:* Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải. Nội dung bảo dưỡng bơm, quạt hút khí như làm sạch thân thiết bị và đường ống phải sạch sẽ không bị tắc, đóng cặn.

b. Giai đoạn vận hành:

*** Chống cháy nổ:**

- Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy PCCC trong quá trình xây dựng công trình từ khâu thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

- Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng sửa chữa, chống chập mạch cháy, nổ.

- Đặt các biển cảnh báo dễ cháy, yêu cầu khách vào dự án tuân thủ các quy định về PCCC.

- Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho công trình bao gồm: hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy nước vách tường, hệ thống chữa cháy bằng các bình chữa cháy xách tay.

- *Chống sét:* Tiến hành lắp đặt hệ thống chống sét chung cho toàn khu nhà của Dự án.

*** Tai nạn lao động:**

- Giáo dục ý thức, đào tạo chuyên môn cho công nhân trong quá trình vận hành các máy móc, thiết bị trong nhà máy.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân khi làm việc.

* *Sự cố hóa chất:* Công ty đã bố trí máy bơm chuyên dụng và các bồn chứa dự phòng nếu có sự cố sẽ bơm chuyển qua các bồn nhỏ.

* *Sự cố an toàn thực phẩm:* Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc sau: Có hợp đồng về nguồn cung cấp nguyên liệu thực phẩm an toàn và thực hiện đầy đủ chế độ kiểm thực 3 bước. Bảo đảm đầy đủ các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm về cơ sở, trang thiết bị dụng cụ và thực hiện nguyên tắc bếp một chiều. Nhân viên Công ty phải có giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo đảm thực hành tốt vệ sinh cá nhân.

* *Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống XLNT. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng và chất lượng nước thải cho hệ thống xử lý nước thải.

Hợp đồng số 10/2019/TT-CT

* *Sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải*: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải. Nội dung bảo dưỡng bơm, quạt hút khí như làm sạch thân thiết bị và đường ống phải sạch sẽ không bị tắc, đóng cặn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

- Việc giám sát và quản lý môi trường là công việc thường xuyên trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án. Quản lý môi trường tốt góp phần hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, vừa kiểm soát được các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm, vừa đem lại hiệu quả kinh tế cho dự án và xã hội.

- Từ các kết quả quan trắc có thể đánh giá được hiệu quả xử lý của các công trình xử lý chất thải, từ đó có những điều chỉnh, bổ sung hợp lý hơn. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn về môi trường để quản lý và giám sát, chất lượng môi trường là yêu cầu cần thiết cho dự án hoạt động bền vững.

- Chương trình quản lý môi trường được thực hiện trong cả 02 giai đoạn: Giai đoạn xây dựng và giai đoạn hoạt động, bao gồm các nội dung chủ yếu: Chương trình kiểm soát và giảm thiểu các tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn hoạt động.

5.2. Chương trình giám sát môi trường:

a. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án:

* Khu vực xây dựng: Hiện nay, Công ty thực hiện dự án đầu tư cải tạo, điều chỉnh công suất nhà máy chế biến rong sụn theo giấy chứng nhận đầu tư số 5752180855 chứng nhận thay đổi lần thứ 03 cấp ngày 29/10/2024 với quy mô là: Tổng công suất nhà máy 10.150 tấn/năm, trong đó, công suất sản xuất thạch rau câu 5.000 tấn/năm, nước rau câu là 5.000 tấn/năm và bột carrageenan là 150 tấn/năm (giảm 150 tấn bột so với năm 2017). Gồm các hạng mục đầu tư bổ sung mới như: Nâng cấp, cải tạo Nhà điều hành (2 tầng); Lò hơi 5 tấn hơi/h. Giai đoạn xây dựng chỉ thi công xây dựng trong vòng 6 tháng, không lấy mẫu quan trắc giai đoạn này.

* Khu vực nhà máy đang hoạt động:

- Quan trắc nước thải: Lưu lượng lớn nhất của nước thải là 420 m³/ngày đêm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thì Nhà máy thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, chương trình quan trắc cụ thể như sau:

+ Vị trí quan trắc: 03 vị trí

Vị trí 1: Tại hố ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải;

Vị trí 2: Sau bể khử trùng;

Vị trí 3: Tại miệng ống xả nước thải trước khi đổ vào nhánh suối Vang.

+ Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nito, Tổng phot pho, Clorua, Coliform.

+ Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: Cột B (F<2000), QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Quan trắc bụi, khí thải: Lưu lượng tối đa của khí thải phát sinh từ lò hơi là 20.277 m³/giờ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự án thuộc số thứ tự 4 của Phụ lục XXIX (dự án có lò hơi), tuy nhiên lưu lượng phát sinh khí thải của dự án < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ và tự động, liên tục.

* Chương trình quản lý, giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

b. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường cho giai đoạn hoạt động:

* **Quan trắc môi trường nước thải:**

Lưu lượng lớn nhất của nước thải là 389,5 m³/ngày đêm (bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt). Theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì Nhà máy thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, chương trình quan trắc cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc: 02 vị trí

+ Vị trí 1: Tại hố ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải;

+ Vị trí 2: Sau bể khử trùng;

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nito, Tổng phot pho,

11/2/2025

Clorua, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: Cột B ($F < 2000$), QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định hiện hành năm thực hiện giám sát.

*** Quan trắc môi trường nước mặt:**

- Vị trí quan trắc: Cách vị trí xả nước thải từ 50 - 100 m về phía hạ lưu.
- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nito, Tổng phot pho, Clorua, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần;
- Quy chuẩn so sánh: Cột B (bảng 2), QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa.

- Kinh phí thực hiện chương trình giám sát môi trường theo quy định hiện hành năm thực hiện giám sát.

*** Quan trắc môi trường bụi, khí thải:**

Lưu lượng tối đa của khí thải phát sinh từ hoạt động của 02 lò hơi là 40.554 m³/giờ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì dự án thuộc số thứ tự 4 của Phụ lục XXIX (dự án có lò hơi), tuy nhiên lưu lượng phát sinh khí thải của dự án < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ và tự động, liên tục.

*** Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại:**

- Nội dung giám sát: Lượng chất thải, công tác lưu giữ, thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Vị trí giám sát: Tại các vị trí lưu giữ tạm thời và khu vực thường xuyên phát sinh.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) quy định thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu tác động gây ảnh hưởng đến môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án; đảm bảo quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường nước, không khí, tiếng ồn và độ rung trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

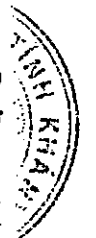
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

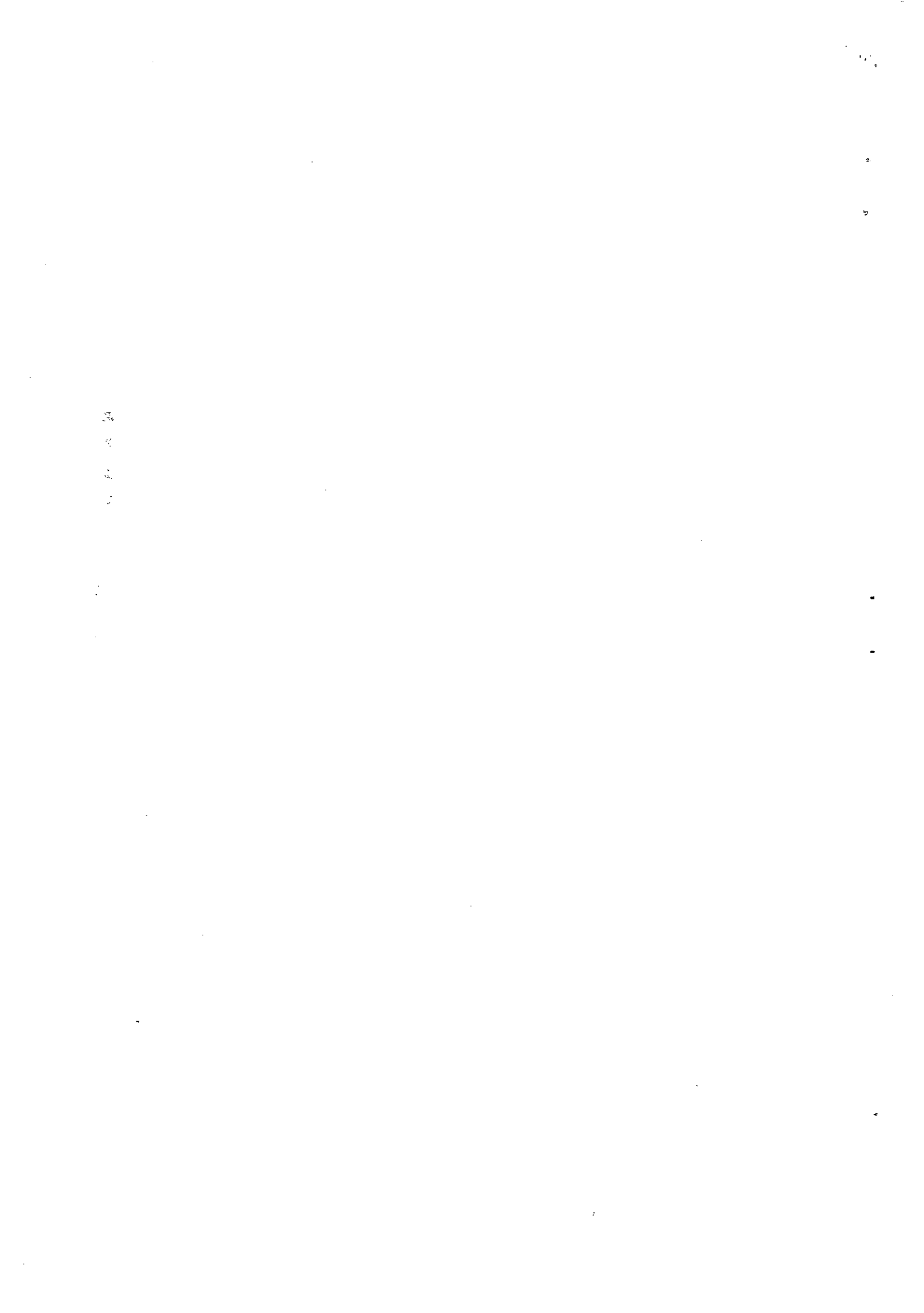
- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư./.





GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến rong sụn

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa chỉ: Xã Lợi Hải và xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Điện thoại: 0259 3670688

Fax: 0259 3670666

Tài khoản số 4900201004622 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Ninh Thuận.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4500475048 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 14/3/2011 và cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 20/02/2017.

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 61/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến rong sụn (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3 và 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

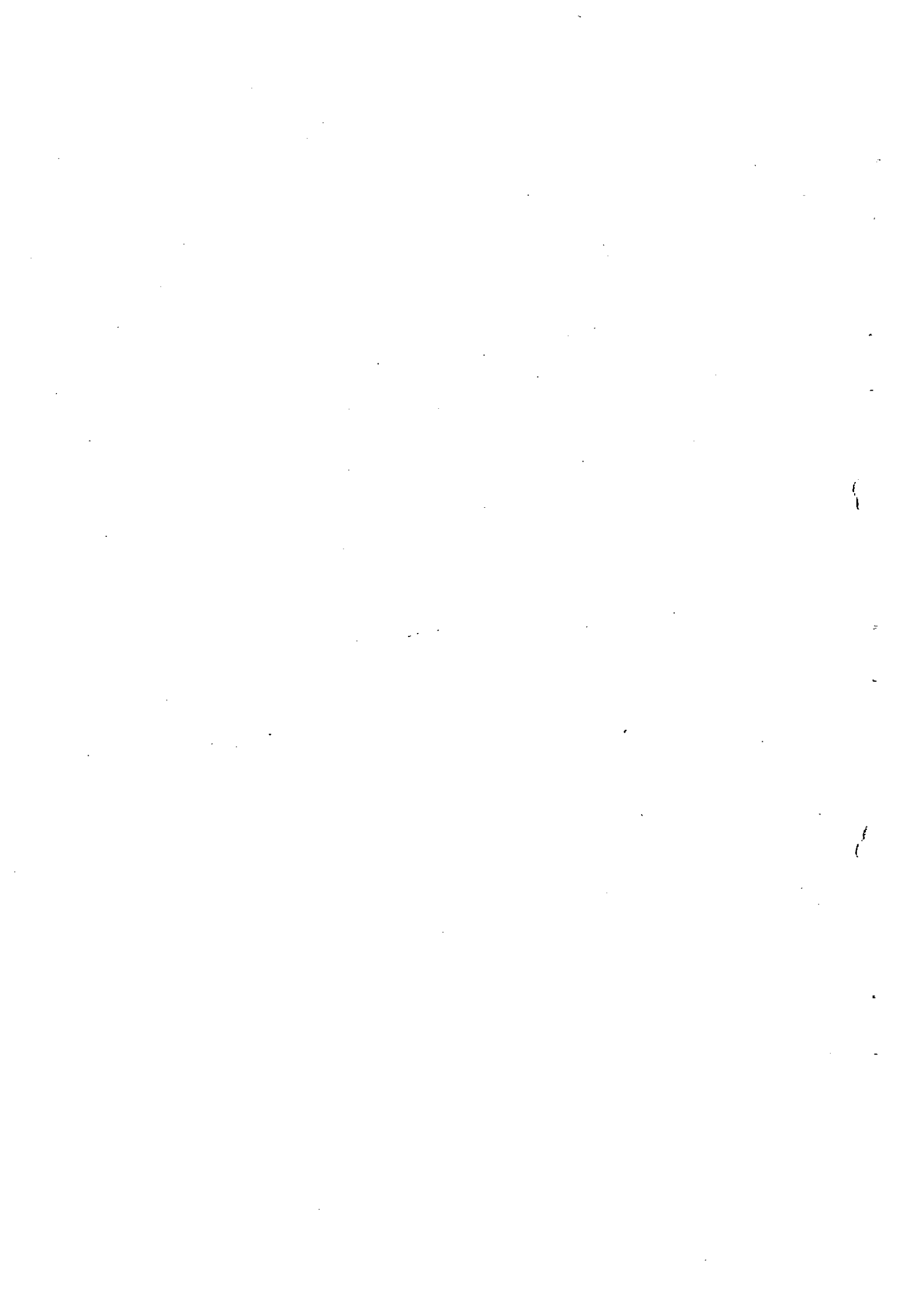
- Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Thuận Bắc;
- Công an tỉnh Ninh Thuận;
- UBND các xã: Lợi Hải, Công Hải;;
- Lưu: VT, CCBVMT (2b).

GIÁM ĐỐC



Bùi Anh Tuấn

CÔNG



PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 3202/GXN-STNMT ngày 05/8/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy chế biến rong sụn)

1. Công trình thu gom, xử lý nước thải:

a) Công trình thu gom, thoát nước mưa: Đã đầu tư xây dựng hệ thống mương thu gom nước mưa chảy tràn (kích thước BxH = 0,35m x 0,45m) và các hố gas để lắng cặn xung quanh nhà máy. Nước mưa chảy tràn từ hệ thống mương này tiếp tục chảy vào đường ống thoát nước mưa có đường kính D=1.000 mm nằm phía Tây nhà máy trước khi đổ vào hệ thống thoát nước mưa dọc theo tuyến đường Quốc lộ 1A.

b) Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Đã đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn (kích thước: ngăn chứa 5m³, ngăn xử lý 3m³, ngăn thấm rút 2m³) để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực văn phòng trước khi cho thấm rút vào đất; 01 bể tự hoại 03 ngăn (kích thước: ngăn chứa 10m³, ngăn xử lý 6m³, ngăn thấm rút 4m³) để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của công nhân sau đó dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung tiếp tục xử lý.

c) Công trình xử lý nước thải tập trung: Đã đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung công suất 720 m³/ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy và nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà máy, đảm bảo đạt giá trị cột B (hệ số K_q=0,9 và K_r=1,0) của QCVN 40:2011/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi thải vào nhánh của suối Vang.

- Kích thước, số lượng các hạng mục xây dựng của công trình xử lý nước thải công suất 720 m³/ngày đêm

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Kích thước
1	Hố gas	01	01 m x 01 m x 01 m
2	Bể lắng tách bột đá	01	08 m x 08 m x 02 m
3	Bể phản ứng keo tụ	01	0,92 m x 2,69 m x 2 m
4	Bể gom điều hòa	01	10 m x 11,75 m x 2,5 m
5	Bể lắng sơ cấp (1,2,3)	03	(04 m x 04 m x 5,2 m) x 3
6	Bể sinh học yếm khí có lớp vật liệu ngập trong nước	03	(04 m x 04 m x 5,2 m) x 3
7	Bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm vi sinh lơ lửng	05	(04 m x 12,5 m x 4,5 m) x 5

8	Bể lắng thứ cấp (4, 5)	02	(3,265 m x 04 m x 4,5 m) x 2
9	Bể oxy hóa – khử trùng	01	1,22 m x 4,25 m x 1,35 m
10	Hồ sinh thái	01	20 m x 15 m x 03 m
11	Bể chứa bùn	01	3,5 m x 10 m x 2,5 m
12	Nhà điều hành	01	40 m ²
13	Hệ thống thoát nước thải	01	Đoạn 1 (bên trong nhà máy): Mương bê tông hở dài khoảng 105m Đoạn 2 (bên trong nhà máy): Đường ống có đường kính 0,2m; dài khoảng 1.160 m

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải đã được đầu tư như sau:

Nước thải → Bể lắng tách bột đá - hồ ga - song chắn rác → Bể gom điều hòa → Bể phản ứng keo tụ → Bể lắng sơ cấp (1,2,3) → Bể sinh học yếm khí có lớp vật liệu ngập trong nước → Bể sinh học hiếu khí có vật liệu đệm vi sinh lơ lửng → Bể lắng thứ cấp (4,5) → Bể oxy hóa – khử trùng → Hồ sinh thái → Nhánh của suối Vang.

- Máy móc, thiết bị chính của công trình xử lý nước thải tập trung:

STT	Tên và quy cách hạng mục thiết bị	Số lượng
1	Bơm chìm Inox cấp nước thải (loại chìm inox): Q = 30 m ³ /h; H = 10 m; N = 2,4kw, 3 pha	02
2	Bơm bùn bể lắng 1,2,3 (loại chìm inox): Q = 12 m ³ /h; H = 10m; N = 1,35 kw, 1 pha	06
3	Bơm bùn bể lắng 4,5 (loại cạn) Q = 12 - 18 m ³ /h; H = 10 m; N = 0,75 kw, 1 pha	02
4	Máy thổi khí = 180 m ³ /h; H = 5,5 m; N = 5,5 kw, 3 pha	06
5	Hệ pha cấp định lượng hóa chất, V = 1500 lít, khuấy khí nén và bơm định lượng Q = 0 – 200l/h; H = 60 m; N = 300 w, 3 pha	08
6	Điều khiển pH tự động, tích hợp 2 bơm định lượng, 1 pha	02
7	Thiết bị khuấy phản ứng N = 0,4 kw, 100 v/p, 3 pha	02
8	Bơm đập bọt: Q = 12 m ³ /h; H = 10 m; N = 1,1 kw, 1 pha	02
9	Tủ điều khiển các thiết bị	01

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất sử dụng: H₂SO₄ 98%, Polyme A 1101, PAC (Phèn nhôm), Ca(ClO₂).

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi và khí thải cho 02 lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ/lò (hệ thống cyclone tách bụi ly tâm kiểu đứng kết hợp hệ thống phun sương dập bụi) với quy trình xử lý: Khí thải → Quạt hút → cyclone tách bụi kết hợp phun sương dập bụi → Ống khói cao 12 m.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) **Đối với chất thải rắn sinh hoạt:** Được thu gom tập trung trong khuôn viên nhà máy và chuyển giao cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận vận chuyển về nhà máy xử lý.

b) **Đối với chất thải rắn sản xuất:**

- Bia carton, hộp nhựa, giấy vụn thải: được thu gom về kho chứa phế liệu trong khuôn viên nhà máy.

- Sản phẩm hỏng, chất thải từ quá trình sàng rong: được thu gom về kho chứa chất thải rắn và định kỳ chuyển cho Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất Nam Thành Ninh Thuận vận chuyển đi xử lý.

- Bã rong sụn: được thu gom phơi khô, đóng bao tập kết về kho chứa chất thải rắn trong khuôn viên nhà máy định kỳ chuyển cho Công ty TNHH Sản xuất Việt Ninh Thuận để sản xuất phân bón.

- Xi than phát sinh từ 02 lò hơi (nguyên liệu đốt: than, củi) được thu gom tái sử dụng làm chất cải tạo đất hoặc bán cho các đơn vị sản xuất vật liệu gạch không nung.

c) **Đối với chất thải nguy hại:** Đã xây dựng kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 28 m² (kho được xây dựng bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng).

4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Đã trang bị hệ thống báo cháy tự động, các bình chữa cháy dọc hành lang và tại các xưởng sản xuất.

- Đã có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và được Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận xác nhận tại Giấy xác nhận số 73/XN-SCT ngày 06/8/2015.

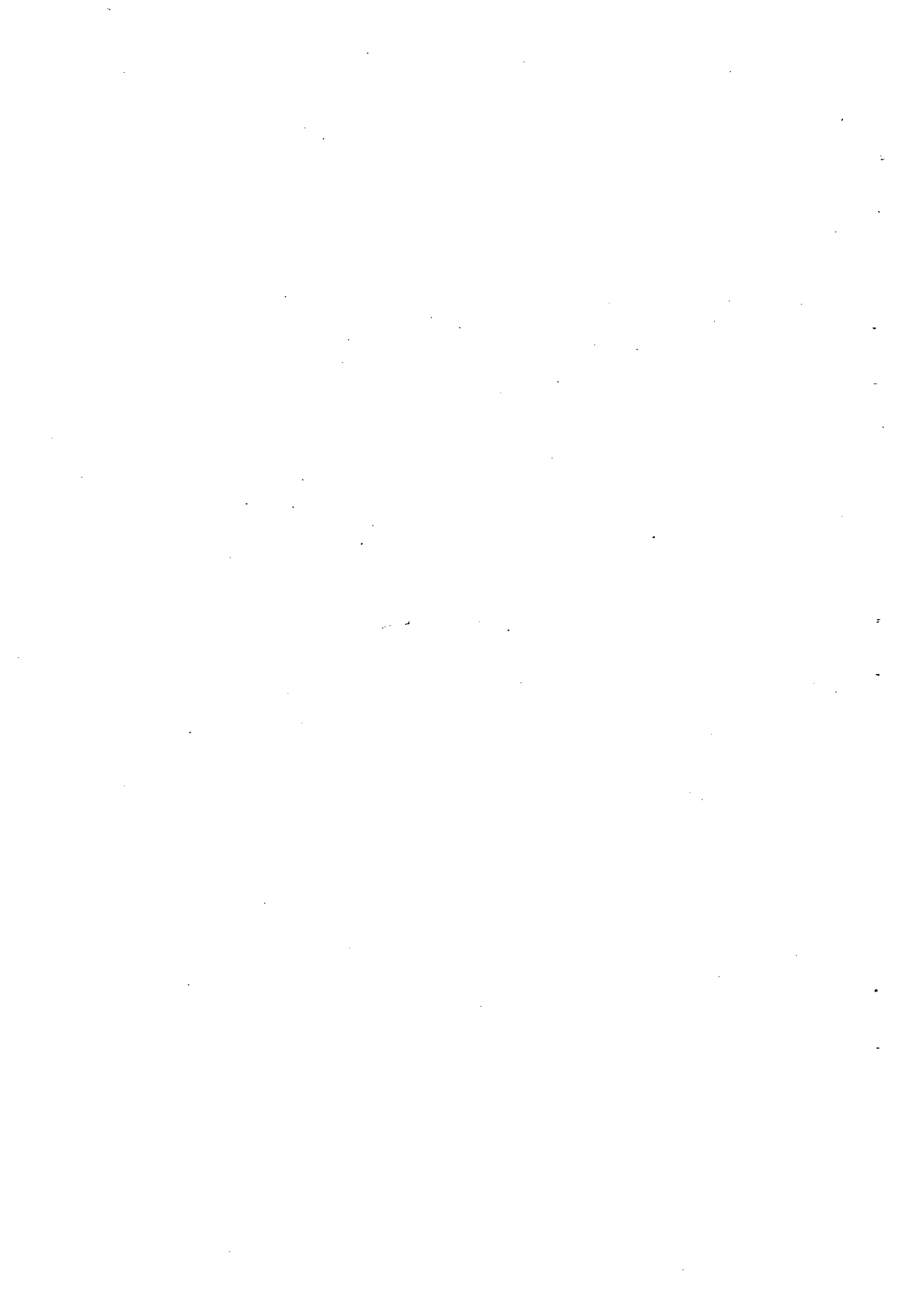
5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này.

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: "Kèm theo Giấy xác nhận số 73/XN-SCT/STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 01 ngày 06 tháng 8 năm 2015".

6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời phối hợp xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /GP-UBND

Ninh Thuận, ngày 08 tháng 6 năm 2016

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

CƠ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NINH THUẬN	
DẪN	Hồ số: <u>3530</u> Ngày: <u>02/6/2016</u>
Chuyên: _____	Căn cứ _____

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 95/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn Ninh Thuận;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải ngày 06 tháng 4 năm 2016 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1876/TTr-STNMT ngày 31 tháng 5 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải, địa chỉ: Thôn suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Hệ thống công trình cấp nước sinh hoạt và sản xuất.
2. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước cho Nhà máy chế biến rong sụn để phục vụ sản xuất Carrageenan, cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên trong công ty, cấp nước tưới cây trong khu vực nhà máy và nước dự trữ để phòng cháy chữa cháy.
3. Nguồn nước khai thác, sử dụng: Suối Kẹp và suối Bay.
4. Vị trí công trình khai thác, sử dụng: Xã Công Hải và xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Xác định bởi tọa độ (VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ} 15'$, múi 3°) như sau:

[Handwritten signature]

TT	Địa điểm khai thác nước	Tọa độ VN-2000	
		Kinh tuyến trực 108°15', múi 3°	
		X (m)	Y (m)
01	Tại suối Kẹp	1.300.727	594.110
02	Tại suối Bay	1.301.371	593.279

(Kèm theo Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước mặt)

5. Lượng nước khai thác, sử dụng là 600 m³/ngày-đêm, trong đó:

- Lượng nước khai thác, sử dụng tại suối Kẹp là 350 m³/ngày-đêm;
- Lượng nước khai thác, sử dụng tại suối Bay là 250 m³/ngày-đêm.

6. Chế độ khai thác: 24 giờ/ngày-đêm.

7. Phương thức khai thác, sử dụng: Phương thức khai thác: là công trình gồm có đập dâng nước, các tuyến đường ống dẫn nước, bể chứa nước và công trình xử lý cấp nước sinh hoạt. Nguồn nước sau khi được khai thác tại đập dâng về bể chứa bằng đường ống theo phương thức tự chảy.

8. Thời hạn giấy phép: 15 (mười lăm) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Nộp thuế tài nguyên theo quy định của Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009.
3. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
4. Trong quá trình khai thác, sử dụng nước phải thực hiện định kỳ các công việc sau:

a) Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng; mở sổ vận hành để quan trắc lưu lượng khai thác và diễn biến chất lượng nguồn nước;

b) Tiến hành lấy mẫu và phân tích chất lượng nguồn nước (tần suất 01 lần/năm) để phân tích các chỉ tiêu: pH, TSS, COD, BOD₅ (20°C), Amoni (NH₄⁺), Nitrit (NO₂⁻), Nitrat (NO₃⁻), Fe tổng, Coliform và so sánh với (QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột A2);

c) Định kỳ 01 lần/năm báo cáo kết quả quan trắc số lượng, chất lượng nguồn nước và tình hình khai thác, sử dụng cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 3. Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, trường hợp Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty CP rau câu Sơn Hải;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Quốc Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chi cục Thuế huyện Thuận Bắc;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Công Hải, xã Lợi Hải;
- Lưu: VT, KT Nam.

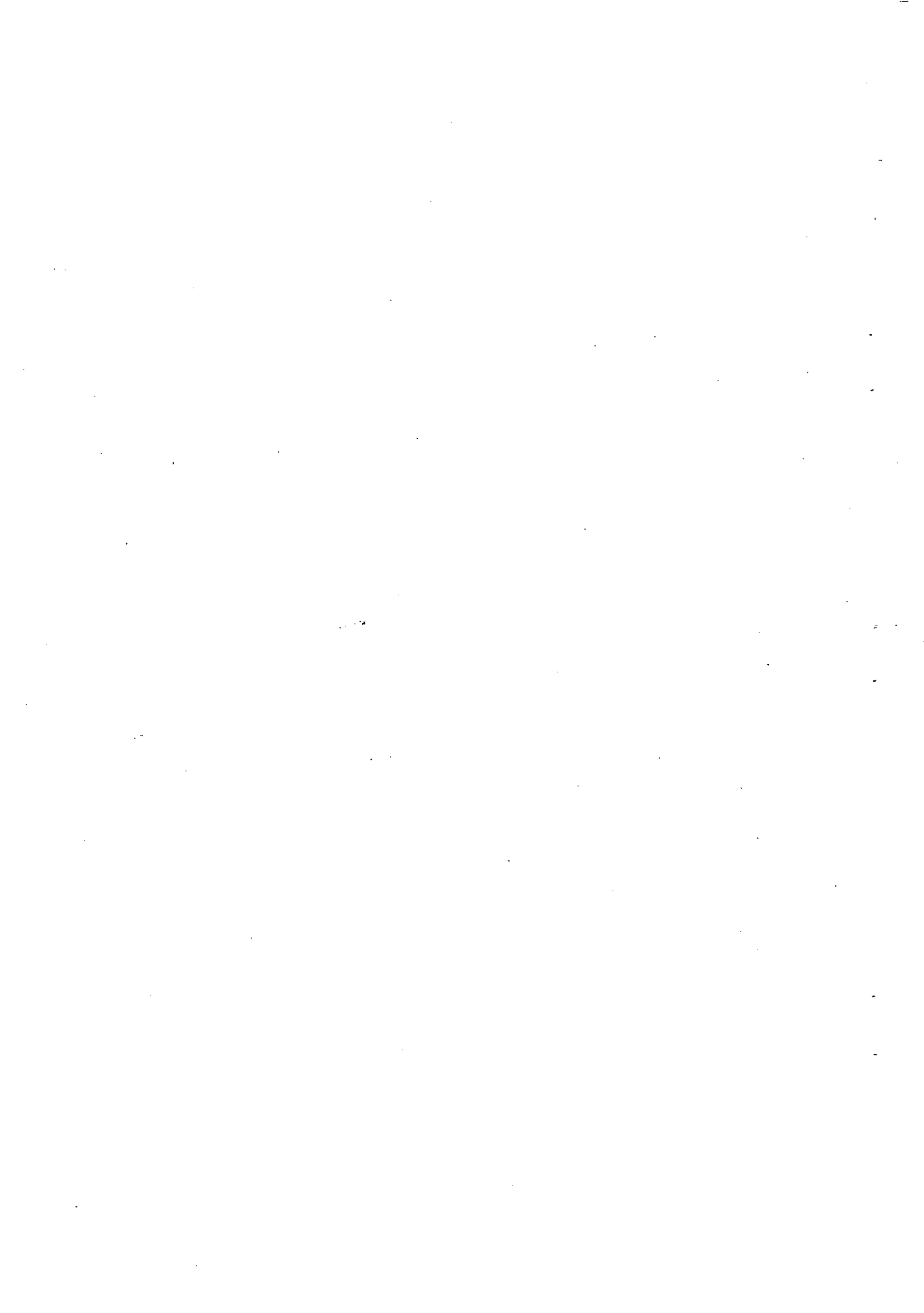
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Quốc Nam



[Handwritten signature]



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /GP-UBND

Ninh Thuận, ngày 09 tháng 7 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước: dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 95/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định cấp phép, thẩm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải ghi ngày 09 tháng 5 năm 2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2522/TTr-STNMT ngày 28 tháng 6 năm 2019,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải, địa chỉ: xã Công Hải và xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xả nước thải từ Nhà máy chế biến rong sụn vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Vang;

2. Vị trí nơi xả nước thải: Nhánh của suối Vang thuộc thôn Hiệp Thành, xã Công Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiều 3⁰): X = 1302048, Y = 590275.



3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn về hồ sinh thái, sau đó nước thải được dẫn qua hệ thống mương hở bê tông cốt thép có kích thước (0,65 m x 0,4 m), chiều dài khoảng 105 m và tiếp tục dẫn qua hệ thống ống tròn được đặt ngầm có đường kính $D = 200$, chiều dài khoảng 1.160 m, cuối cùng chảy ra suối Vang theo phương thức tự chảy, xả ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày-đêm;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $720 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ ($30 \text{ m}^3/\text{giờ}$);

6. Chất lượng nước thải: Các thông số pH, BOD₅ (20°C), COD, chất rắn lơ lửng, Tổng Nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Clorea và Coliform trong nước thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40: 2011/BTNMT, cột B với hệ số $K_q=0,9$ và $K_t=1,0$ trước khi xả thải vào nguồn nước;

7. Thời hạn của giấy phép: Mười (10) năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện việc xử lý nước thải theo đúng thiết kế và hồ sơ môi trường đã được phê duyệt, đúng quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải và các cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận:

a) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý tại vị trí xả nước thải theo tần suất 01 lần/03 tháng với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.

b) Quan trắc định kỳ chất lượng nguồn nước tiếp nhận cách vị trí xả nước thải từ 50 – 100 m về phía hạ lưu theo tần suất 01 lần/06 tháng với các thông số pH, BOD₅ (20°C), COD, Amoni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻ tính theo P), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Clorea (Cl), Coliform và so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1.

4. Hàng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước.

Điều 3. Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần rau câu Sơn Hải;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- UBND huyện Thuận Bắc;
- UBND xã Lợi Hải;
- UBND xã Công Hải;
- VPUB: CVP, PVP (L.T.Đông);
- Lưu: VT, KTTM. Hân

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature of Trần Quốc Nam

Trần Quốc Nam



Handwritten signature

Điều 3: Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng (trừ trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 Luật Đất đai).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 111 của Luật Đất đai năm 2003.

3. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải làm thủ tục thu hồi đất theo quy định tại Điều 131 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

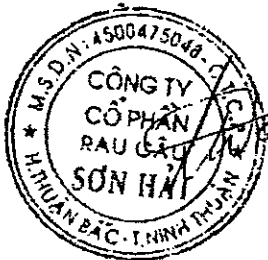
- 1. Hết thời hạn cho thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- 2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
- 3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mãi tài sản hoặc giải thể;
- 4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Điều 38 của Luật Đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

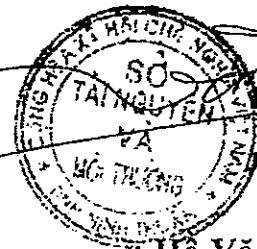
Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, gửi sở Tài chính để quyết định đơn giá cho thuê đất, gửi cơ quan Thuế để kê khai nộp tiền thuê đất và Kho bạc Nhà nước tỉnh (nơi thu tiền thuê đất) mỗi cơ quan 01 bản.

BÊN THUÊ ĐẤT

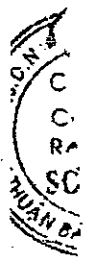


Nguyễn Văn Thành

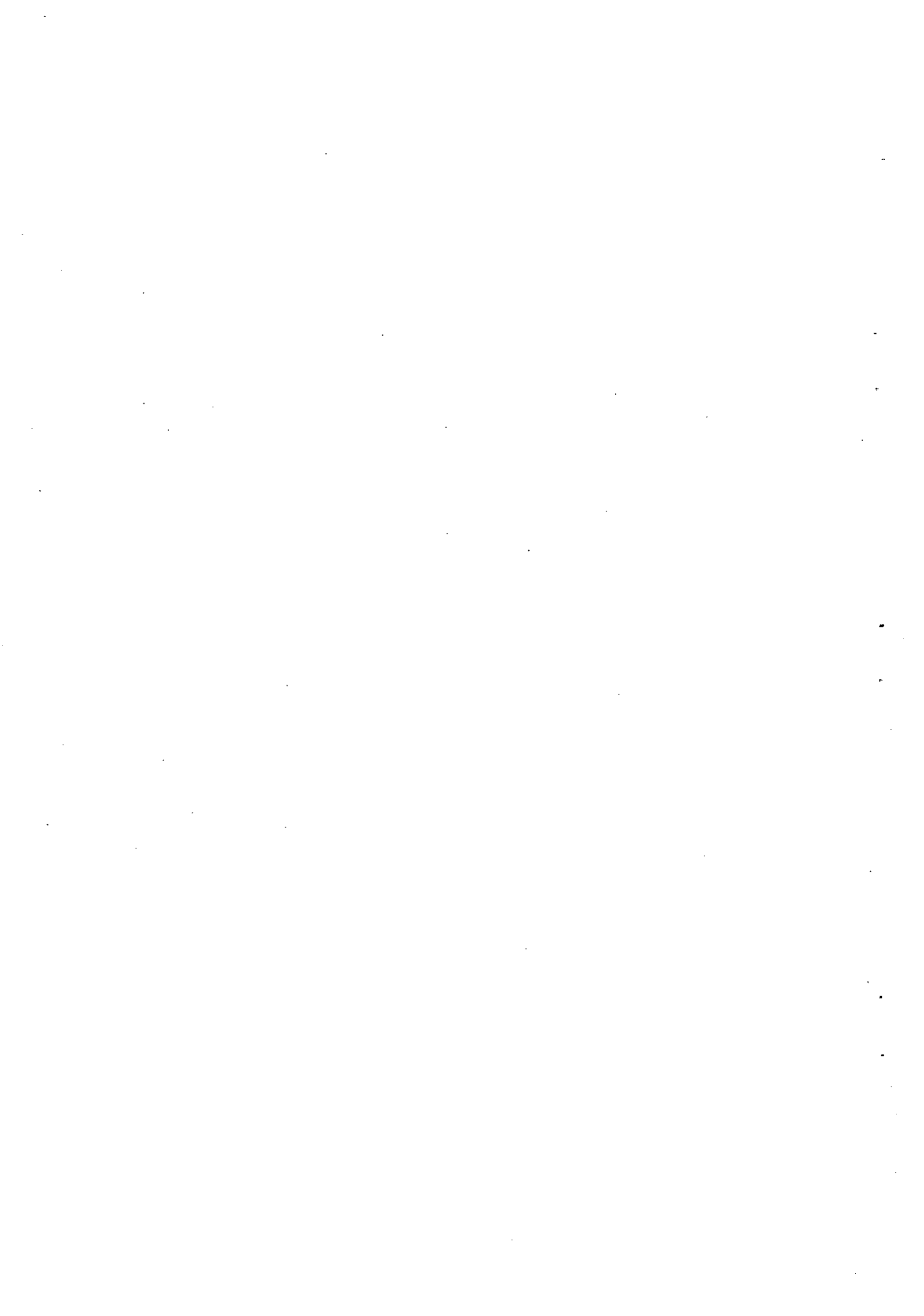
BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Hồ Văn Hùng



Handwritten mark



CÔNG AN TỈNH NINH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 366/CV-PCCC

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 9 năm 2014

Nghiệm thu về PCCC công trình Nhà máy
chế biến sản xuất Rong Sụn – Công ty CP
Rau Câu Sơn Hải.

Kính gửi: Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải.

Ngày 25/9/2014 Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải tổ chức nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình: Nhà máy chế biến sản xuất Rong Sụn

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH lập ngày 25/9/2014. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Ninh Thuận đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình: Nhà máy chế biến sản xuất Rong Sụn.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Rau Câu Sơn Hải.

Xây dựng tại: Quốc lộ 1A, thôn Suối Đá, Lợi Hải, Thuận Bắc, Ninh Thuận

Các hệ thống phòng cháy chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống chống sét ;
- Bậc chịu lửa;
- Khoảng cách, giao thông an toàn PCCC;
- Yêu cầu về lối thoát nạn.

Đồng thời yêu cầu chủ đầu tư thực hiện những yêu cầu kèm theo sau đây:

Lập hồ sơ quản lý theo dõi về phòng cháy và chữa cháy đối với trụ sở theo quy định; Bảo quản, bảo dưỡng định kỳ, duy trì hoạt động thường xuyên các hệ thống PCCC đã nghiệm thu. *[Handwritten mark]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Đại tá Trần Văn Thành

[Handwritten signature]



UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73 /XN-SCT

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 8 năm 2015

XÁC NHẬN

“Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất Nhà máy chế biến rong sụn của Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải”

Sở Công Thương Ninh Thuận xác nhận:

Cơ sở hóa chất: Nhà máy chế biến rong sụn.

Địa điểm cơ sở hóa chất: thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc.

Địa chỉ trụ sở chính: thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc.

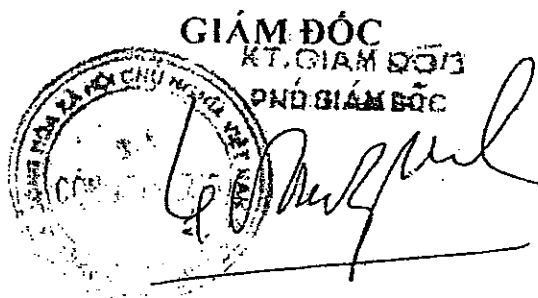
Điện thoại: 0683.670688 - Fax: 0683.670666.

Đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định của Luật Hóa chất, Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08/4/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05/8/2013 của Bộ Công Thương quy định Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp; Thông tư số 06/2015/TT-BCT ngày 23/4/2015 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa;

Trong quá trình sử dụng, bảo quản các hoá chất nguy hiểm (các dung dịch Natri hydroxit, Axit sunfuric), Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải phải bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đề ra tại Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được xác nhận. *I. Mmm*

Nơi nhận:

- Cty CP Rau Câu Sơn Hải;
- Lưu: VT, KT.



Lê Văn Nguyễn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 23 /HĐ-TĐ

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 8 năm 2012

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 “Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 Quy định bổ sung về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ các thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 sửa đổi bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 44/2011/QĐ-UBND ngày 14/9/2011 về ban hành quy định thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 69/2011/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 về quy định giá các loại đất năm 2012 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

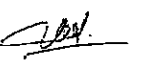
Căn cứ quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 21/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất tại xã Công Hải và xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc cho Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải thuê để xây dựng Nhà máy chế biến rong sụn;

Hôm nay, ngày 01 tháng 8 năm 2012 tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là: Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Do ông: **Hồ Văn Hùng**, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận làm đại diện.

II. Bên thuê đất là: Công ty cổ phần rau câu Sơn Hải.

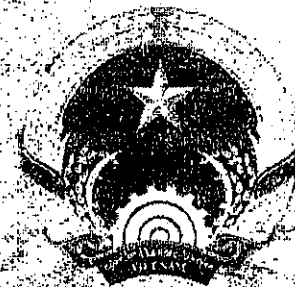


Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

L'Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty Cổ phần tau cầu Sơn Hải

CONTRON 4500475048 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và

Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp thay đổi lần thứ 4, ngày 20/02/2017.

Địa chỉ: Thôn Suối Đé, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 2 8 4 0 2 0 0 0 5 0 3 1

CX 539737

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- Tổng số thửa đất: 2 ; tổng diện tích: 58.895,0 m²

Tờ bản đồ số	Số thửa	Địa chỉ thửa đất	Diện tích (m ²)		Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
			SD riêng	SD chung			
9	556	Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc	22.003,0	Không	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đến ngày 26/4/2061	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
27	510	Xã Công Hải, huyện Thuận Bắc	36.892,0	Không	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Đến ngày 26/4/2061	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

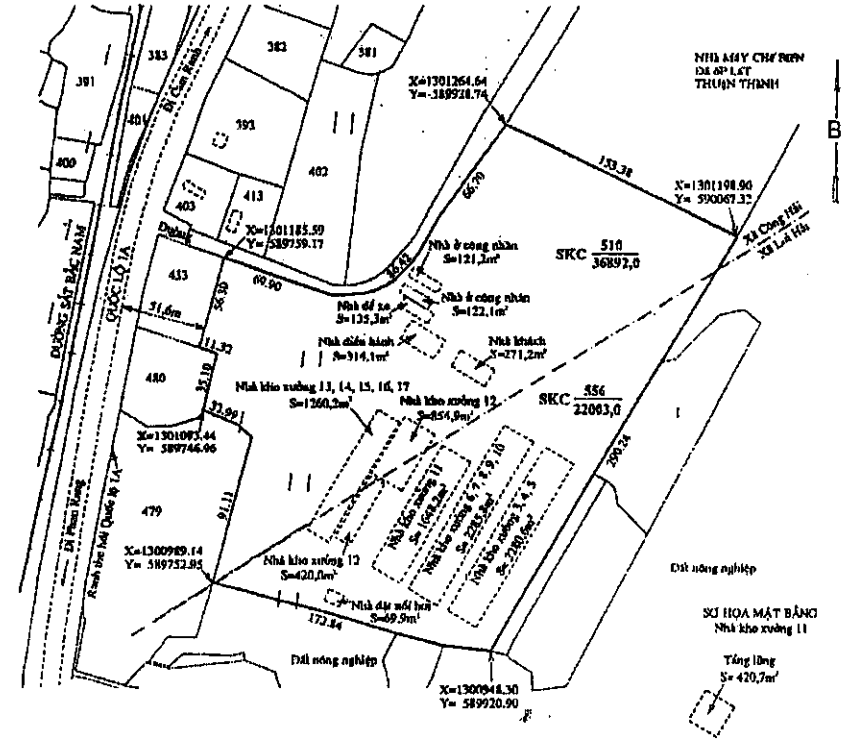
Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà điều hành	314,1	314,1	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà khách	271,2	271,2	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà ở công nhân (02 nhà)	243,3	243,3	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà để xe	135,3	135,3	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho xưởng 3, 4, 5	2.280,6	2.280,6	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho xưởng 6, 7, 8, 9, 10	2.285,8	2.285,8	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho xưởng 11	1.648,2	2.068,9	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho xưởng 12	1.274,9	1.274,9	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà kho xưởng 13, 14, 15, 16, 17	1.260,2	1.260,2	Sở hữu riêng	III	-/-
Nhà đất nổi hơi	69,9	69,9	Sở hữu riêng	III	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:3000

Ninh Thuận, ngày 11... tháng 11... năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature)
Lê Ngọc Thạch

Số vào sổ cấp GCN: CT 05031

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

HỢP ĐỒNG

Thu gom, vận chuyển và xử lý bã rong sụn
Số:/HĐKT/2025/SH-NT

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 27 tháng 10 năm 2025 tại: Văn phòng Công ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải.

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CẦU SƠN HẢI

Đại diện : Bà Trần Bích Ngọc Chức vụ: P. Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0259.3670688

Mã số thuế : 4500475048

BÊN B : CÔNG TY TNHH XD TM & SX NAM THÀNH NINH THUẬN

Đại diện : Ông Trần Đình Minh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Kiên Kiên, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0259. 3625225 - 3625226

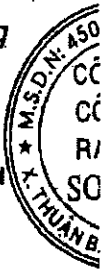
Mã số thuế : 4500225633

Tài khoản số: 6150002469 tại ngân hàng BIDV Ninh Thuận

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ này (sau đây gọi tắt là "Hợp Đồng") với những điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển bã rong sụn của bên A đến Địa điểm lưu giữ, xử lý: Nhà máy xử lý rác Nam Thành, địa chỉ: Thôn Kiên Kiên, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa và xử lý theo Quy định hiện hành của Pháp luật Việt



Quy

Nam kèm theo bộ biên bản bàn giao bã rong sụn mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao bã rong thải đúng theo Quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 2. Trách nhiệm của các bên

Bên A:

- Bên A có trách nhiệm cử cán bộ chuyên trách hướng dẫn bên B thu gom.
- Bên A cam kết sản phẩm cần tiêu hủy mà Bên A giao cho Bên B không chứa thành phần nguy hại theo quy định của pháp luật.
- Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết ít nhất 02 (hai) ngày trước ngày cho bên B thu gom sản phẩm xử lý về khối lượng, thời gian giao sản phẩm xử lý để Bên B chuẩn bị.
- Bên A thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đối với khoản phí dịch vụ xử lý theo Điều 2 của Hợp Đồng.
- Bên A sẽ chịu chi phí thuê máy đào để vận chuyển bã rong từ kho lưu trữ lên xe vận chuyển chất thải của bên B.

Bên B:

- Tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định của Nhà nước và thực hiện công việc theo cam kết của hai bên.
- Địa điểm thu gom: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa
- Bên B cam kết có đầy đủ và duy trì hiệu lực các chấp thuận và các giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến dịch vụ xử lý bã rong.
- Trong suốt quá trình tiếp nhận và xử lý sản phẩm cần hủy của Bên A, Bên B có trách nhiệm bảo quản và không được sử dụng sản phẩm cần hủy của Bên A vào các hành vi gây ô nhiễm môi trường hay vi phạm pháp luật. Nếu có, Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về pháp lý và tài chính do Bên B gây ra trước cơ quan quản lý môi trường.
- Bên B sẽ phát hành Biên Bản xác nhận khi hoàn tất việc xử lý sản phẩm cần hủy mà Bên A chuyển giao cho Bên B và cung cấp chứng từ này cho Bên A (nếu có).
- Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ như Biên bản bàn giao, Phiếu cần, Biên bản nghiệm thu,... cho bên A.
- Bên B cam kết không đưa sản phẩm cần hủy của Bên A ra tiêu thụ trên thị trường. Nếu có bất kỳ khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào bị yêu cầu cho Bên A liên quan đến các sản phẩm cần hủy sau khi Bên A đã bàn giao sản phẩm cần hủy cho Bên B thì Bên B, bằng chi phí của Bên B, có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại và khoản bồi thường này cho Bên A và giữ cho Bên A không bị ảnh hưởng hoặc thiệt hại nào về mặt vật chất hoặc hình ảnh, thương hiệu của bên A

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

TT	Loại chi phí	Đơn vị	Đơn giá (Đồng)	Khối lượng ước tính (kg)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí xử lý: bã rau câu thải	Kg	2.000	20.000	40.000.000
	THÀNH TIỀN				40.000.000

Handwritten signature

- Đơn giá trên đã bao gồm VAT
- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Bên A cho Bên B tạm ứng trước 50% giá trị Hợp đồng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sau khi Hợp đồng được ký kết.
- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B số tiền còn lại không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ chứng từ hợp lệ từ bên B.

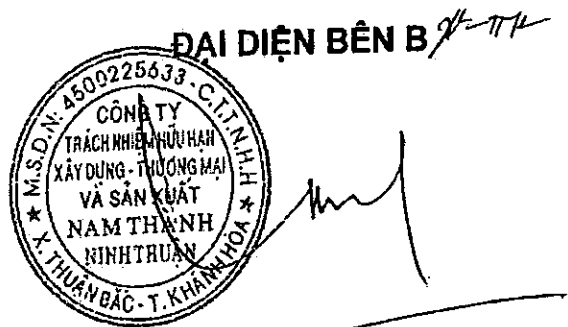
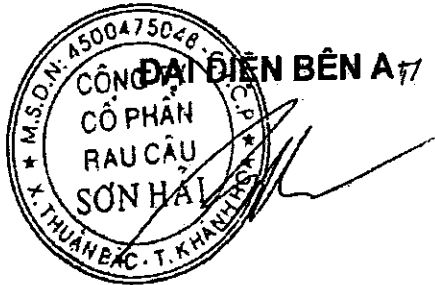
Điều 4. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp, tạm dừng hợp đồng

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thỏa thuận. Trong trường hợp không thỏa thuận hòa giải được, thì các Bên thống nhất yêu cầu các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết. Mọi chi phí như chi phí Luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, lệ phí thi hành án cũng như mọi chi phí liên quan do Bên vi phạm chịu.

- Nếu một trong hai bên có yêu cầu tạm dừng hợp đồng thì phải Thông báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng văn bản.

Điều 5. Điều khoản chung

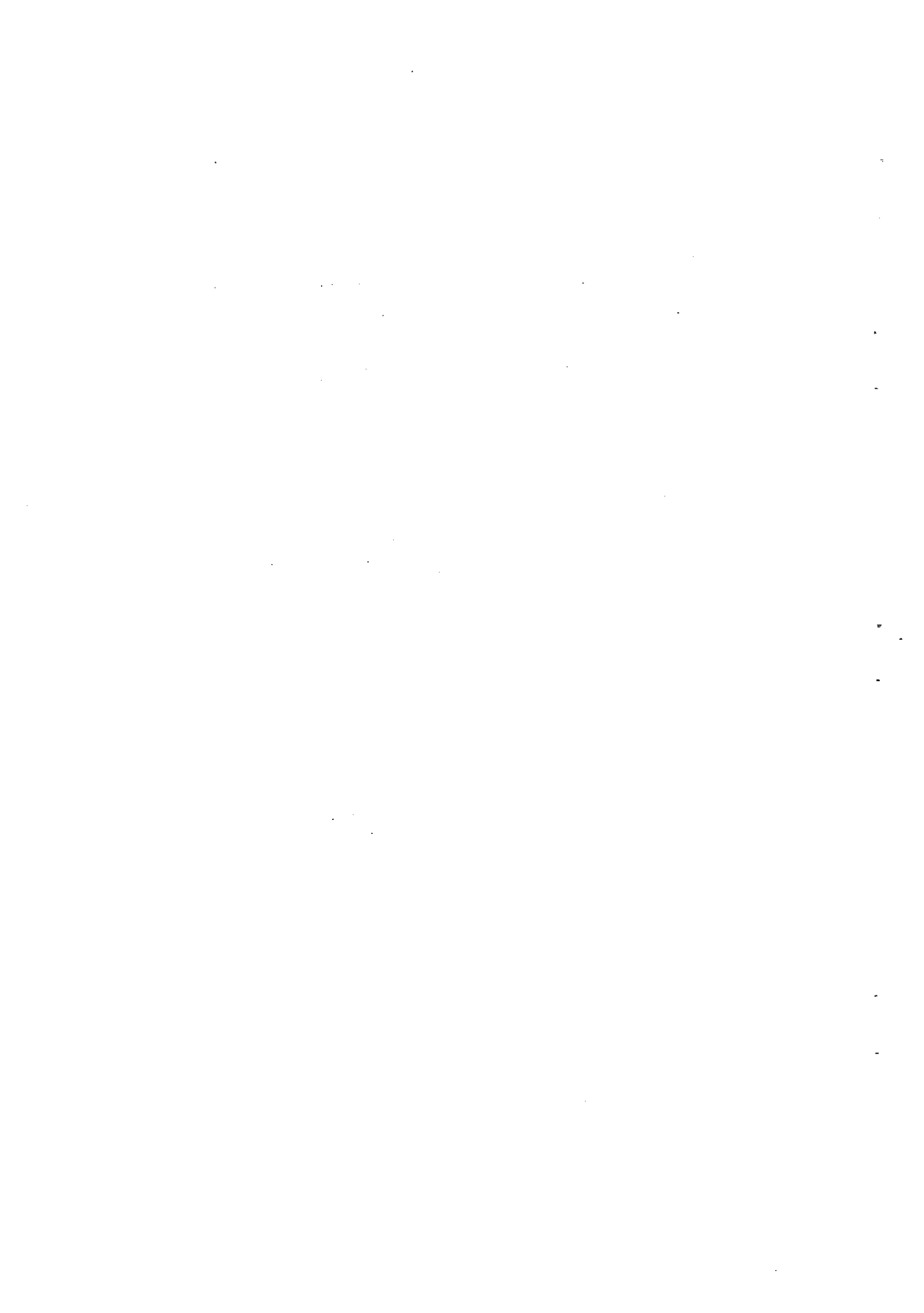
- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Thời gian thực hiện thu gom theo Hợp đồng từ ngày 01/01/2026.
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị Pháp lý như nhau./.



Loren Dinh Minh



Quy



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 66-KH/HĐ-ASNTB/2026

“V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT;

- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 68 /GPMT-BNNMT do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp ngày 11 tháng 02 năm 2026;

Hôm nay, ngày 18 tháng 05 năm 2026, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI

Đại diện: Bà Trần Bích Ngọc

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: 0259.3670688

Mã số thuế: 4500475048

2. BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Thành

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ văn phòng: Tổ 1, phường Kiên An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0200576224

Địa chỉ nhà máy xử lý: Thôn Phú Hải, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Địa chỉ CN tại Khánh Hòa: LK11-14 Ngô Gia Khảm, Phường Phan Rang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 02593 623999

Hotline: Mr Thi : 0988 434 268

Số tài khoản: 117002688209 - Tại NH Công thương Việt Nam Chi nhánh Bắc Hải Phòng.

**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU**

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) các loại CTNH phát sinh của bên A nằm trong danh mục CTNH mà bên B được phép xử lý.
2. Thời gian thực hiện: Thực hiện thu gom, vận chuyển theo nhu cầu bên A. Khi có nhu cầu thu gom Bên A phải báo trước 05 ngày bằng điện thoại, email, fax hoặc khi đi thu gom định kỳ Bên B sẽ báo trước 02 ngày.
3. Địa điểm thu gom CTNH: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải - Thôn Suối Đá, xã Thuận Đức, tỉnh Khánh Hòa
4. Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng vận chuyển CTNH.
5. Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 18 tháng 05 năm 2026 đến ngày 18 tháng 05 năm 2027.
6. Tần suất thu gom: 01 lần/năm.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm Bên A:

1. Phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định. Các loại chất thải khi giao phải được đóng gói bao bì cẩn thận (việc đóng gói và bao bì đóng gói do bên A chịu trách nhiệm) và tập trung tại một điểm duy nhất.
2. Bên A cung cấp cho Bên B những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại (giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường)(nếu có).
3. Khi chuyển giao CTNH cho bên B, bên A phải thống nhất thông tin trên các chứng từ chuyển giao CTNH do bên B phát hành. Chứng từ chuyển giao phải được ghi rõ ràng, đầy đủ các thông tin và ký tên đóng dấu của bên A.
4. Xác nhận số lượng, khối lượng vận chuyển chất thải bằng biên bản giao nhận.
5. Bàn giao chất thải nguy hại đúng thời hạn theo Hợp đồng.
6. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.
7. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các chất thải nguy hại không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

Trách nhiệm Bên B:

1. Hướng dẫn bên A Phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định.
2. Chịu trách nhiệm trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ điểm tiếp nhận chất thải của bên A đến khu xử lý CTNH của bên B.

3. Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này cũng như CTNH chưa được lưu chứa.

4. Bên B phát hành bộ chứng từ CTNH và bàn giao chứng từ CTNH sau khi đã xử lý xong cho bên A.

5. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tư cách pháp nhân và hồ sơ pháp lý trong việc ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

Danh mục và đơn giá hợp đồng: Giá trị Hợp đồng chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ THANH TOÁN

4.1. Phương thức giao nhận

Tại kho lưu trữ CTNH của bên A. Hai bên sẽ xác định khối lượng đối với từng mã CTNH, lập biên bản giao nhận CTNH, lập chứng từ chất thải nguy hại để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH.

4.2. Hình thức thanh toán:

- **Đợt 1:** Bên A tạm ứng cho Bên B 30% giá trị hợp đồng trong thời hạn 15 ngày sau khi hai bên đã ký kết hợp đồng.

- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho bên B 70% giá trị hợp đồng còn lại và số tiền vượt khoản phát sinh (nếu có) trong thời hạn 15 ngày sau khi bên A nhận được:

- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B;
- + Biên bản giao nhận CTNH và chứng từ CTNH;
- + Hóa đơn GTGT theo quy định.

- Trong trường hợp bên A không yêu cầu thu gom hoặc không bàn giao CTNH theo kế hoạch thu gom của bên B, khi hết hạn hợp đồng thì bên A vẫn phải thực hiện thanh toán 100% theo đúng giá trị hợp đồng ký kết.

- Trường hợp Bên A quá hạn thanh toán trên thì bên A phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và thời gian chậm thanh toán. Thời hạn chậm thanh toán tối đa 15 ngày, nếu quá hạn chậm thanh toán bên A phải chịu phạt với phí phạt gấp đôi giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ

Khi hợp đồng hết thời hạn xem như là bản thanh lý khi 2 bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Mọi sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt hợp đồng đều phải được thông báo trước cho các bên ít nhất 30 ngày và phải được thống nhất bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

475
VGT
PH
UCÁ
VH

0200

ÔNG
TNHH
GMAVAX
AN SIN

PHỐ


2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh sẽ giải quyết bằng thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác giữa các bên.

3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Bích Ngọc

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC 01

(Phụ lục đính kèm Hợp đồng kinh tế số 66-KH/HĐ-ASNTB/2026 ký ngày 18/05/2026)

Phạm vi thực hiện và giá trị hợp đồng chi tiết

TT	Danh mục chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng khoán (kg/năm)	Đơn giá khoán (VNĐ/năm)	Ghi chú			
Chất thải nguy hại									
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	≤ 500 kg/năm	13.500.000	Đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý cho 01 lần/năm/01 cơ sở			
2	Ắc quy quy thải	Rắn	19 06 01						
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03						
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (Đèn led,...)	Rắn	16 01 13						
Chất thải công nghiệp phải kiểm soát									
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01						
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03						
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01						
8	Các loại CTNH khác nằm trong danh mục được phép xử lý	Rắn/ Lỏng	...						
GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG CHƯA BAO GỒM THUẾ VAT					13.500.000				

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hoá đơn theo quy định của nhà nước có hiệu lực hiện hành.

- Đơn giá trên áp dụng cho khối lượng bàn giao CTNH phát sinh ≤ 500 kg/năm/01 lần thu/năm.

Đơn giá xử lý CTNH vượt

Nếu khách hàng thực hiện bàn giao CTNH vượt quá số kg quy định và Bóng đèn huỳnh quang > 10kg/năm thì sẽ tính khối lượng chất thải vượt theo đơn giá sau: (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT)

STT	Danh mục chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ/kg)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	35.000
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	12.000
3	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	12.000
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	12.000
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	12.000
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (Đèn led,...)	Rắn	16 01 13	12.000
7	Ấc quy quy thải	Rắn	19 06 01	12.000

- Khối lượng được xác nhận dựa trên biên bản giao nhận CTNH được Hai Bên ký xác nhận.
- Ký hiệu và mã chất thải theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.
- Chất thải nguy hại được xử lý theo đúng phương pháp đã đăng ký tại Giấy phép môi trường số 68 /GPMT-BNNMT do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp ngày 11/02/2026 cấp cho Công ty TNHH TM&XD An Sinh và những văn bản pháp lý có liên quan.



HỢP ĐỒNG

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường
Số: 583/HĐKT/2026-SH

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp với mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.VX;

Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 10. tháng 01. năm 2026 Tại: Văn phòng Công Ty TNHH Thương Mại Và Xây Dựng An Sinh. Chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0259.3670688

Mã số thuế: 4500475048

Đại diện Bà: Trần Bích Ngọc

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bên B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN THÀNH Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ văn phòng: Tổ 1, P Kiến An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0979 512 078

Mã số thuế: 0200576224

Tài khoản số: 2101201003621 tại ngân hàng NN&PTNT- PGD Ngô Quyền - thành phố Hải Phòng

Hoặc: 02101011000336 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Hải Phòng - PGD An Dương

Nhà máy xử lý/vận chuyển: Chi nhánh Công Ty TNHH TM&XD An Sinh tại Quảng Nam

Địa chỉ: Thôn Phú Hải, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 02353 762 986

Fax: 02353 762 987

Địa chỉ email: ansinhmtqn@gmail.com



Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- **Chất thải công nghiệp:** là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đó bao gồm chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp thông thường (CTCNTT).

Điều 2. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển chất thải của bên A đến Địa điểm lưu giữ, xử lý: Tại Chi nhánh Công Ty TNHH TM&XD An Sinh tại Quảng Nam – Thôn Phú Hải, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng và xử lý theo Quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kèm theo bộ biên bản bàn giao chất thải mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao chất thải đúng theo Quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

Bên A- Nếu có chất thải nguy hại phải phân loại và tách riêng từng loại rác, không đổ lẫn vào rác thải CTCNTT và liên hệ với bên B để ký hợp đồng riêng. Trường hợp bỏ lẫn vào nhau, bên A phải chịu giá dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp, nguy hại.

- Phát hành một bộ biên bản bàn giao chất thải mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao chất thải đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tạo điều kiện cho Bên B sắp xếp và nhận hàng đúng thời gian thỏa thuận

- Thanh toán chi phí cho bên B theo giá trị và thời hạn đã ký kết.

Bên B:- Chấp hành nội quy ra vào, chấp nhận sự kiểm tra của bảo vệ đối với các xe vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường ra, vào cơ quan của bên A .

- Tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định của Nhà nước và thực hiện công việc theo cam kết của hai bên.

- Tần suất thu gom: 01 lần/hợp đồng.

- Địa điểm thu gom: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

-Phương pháp tiêu hủy: Tiêu hủy trong lò đốt.

- Xuất hóa đơn, biên nhận cho bên A theo thỏa thuận tại Điều 3.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Thành phần chất thải bao gồm:

STT	Thành phần chất thải	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Loại chất thải
1	Bã rau củ thải	3.500	Chất thải công nghiệp không nguy hại
2	Bùn thải	3.500	

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của nhà nước có hiệu lực hiện hành.

- Đơn giá trên áp dụng cho khối lượng CTCNTT bàn giao ≥ 10.000 tấn/01 lần thu.

- Nếu khối lượng chất thải bàn giao < 10 tấn/01 lần thu thì khách hàng sẽ chịu mức chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ/chuyến.

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B không quá 7 (bảy) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ chứng từ hợp lệ từ bên B.

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp, tạm dừng hợp đồng

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án Đà Nẵng là nơi giải quyết mọi tranh chấp. Phán quyết của Tòa án là kết luận cuối cùng. Mọi chi phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

- Nếu một trong hai bên có yêu cầu tạm dừng hợp đồng thì phải Thông báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng văn bản.

Điều 6. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị Pháp lý như nhau./.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày .../.../2026 đến .../.../2026, hợp đồng sẽ tự động thanh lý và phát sinh bằng phụ lục hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Bích Ngọc

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thành



Handwritten notes or scribbles in the lower-left quadrant of the page.

Handwritten notes or scribbles in the lower-right quadrant of the page.

HỢP ĐỒNG

Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường
Số: 643 /HĐKT/2026-SH

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 68 /GPMT-BNNMT do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp ngày 11 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 18 tháng 5 năm 2026 Tại: Văn phòng Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng An Sinh. Chúng tôi gồm có:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI

Đại diện Bà: Trần Bích Ngọc

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: 0259.3670688

Mã số thuế: 4500475048

STK: 4900 201 004 622, tại ngân hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn, CN Ninh Thuận

Bên B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

Đại diện Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ văn phòng: Tổ 1, P Kiến An, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0979 512 078

Mã số thuế: 0200576224

Tài khoản số: 2101201003621 tại ngân hàng NN&PTNT- PGD Ngô Quyền - thành phố Hải Phòng

Hoặc: 02101011000336 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải chi nhánh Hải Phòng - PGD An Dương

Nhà máy xử lý/vận chuyển: Chi nhánh Công Ty TNHH TM&XD An Sinh tại Quảng Nam

Địa chỉ: Thôn Phú Hải, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 02353 762 986

Fax: 02353 762 987

Địa chỉ email: ansinhmtqn@gmail.com



Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với nội dung như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải công nghiệp: là chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chất thải công nghiệp thông thường (CTCNTT).

Điều 2. Nội dung hợp đồng

Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển chất thải của bên A đến Địa điểm lưu giữ, xử lý: Tại Chi nhánh Công Ty TNHH TM&XD An Sinh tại Quảng Nam – Thôn Phú Hải, Xã Đại Lộc, Thành phố Đà Nẵng và xử lý theo Quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kèm theo bộ biên bản bàn giao chất thải mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao chất thải đúng theo Quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm của các bên

Bên A- Nếu có chất thải nguy hại phải phân loại và tách riêng từng loại rác, không đổ lẫn vào rác thải CTCNTT và liên hệ với bên B để ký hợp đồng riêng. Trường hợp bỏ lẫn vào nhau, bên A phải chịu giá dịch vụ thu gom rác thải công nghiệp, nguy hại.

- Phát hành một bộ biên bản bàn giao chất thải mỗi khi thực hiện một lần chuyển giao chất thải đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tạo điều kiện cho Bên B sắp xếp và nhận hàng đúng thời gian thỏa thuận

- Thanh toán chi phí cho bên B theo giá trị và thời hạn đã ký kết.

Bên B:- Chấp hành nội quy ra vào, chấp nhận sự kiểm tra của bảo vệ đối với các xe vận chuyển chất thải công nghiệp thông thường ra, vào cơ quan của bên A .

- Tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải theo quy định của Nhà nước và thực hiện công việc theo cam kết của hai bên.

- Tần xuất thu gom: 01 lần/hợp đồng.

- Địa điểm thu gom: Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

- Xuất hóa đơn, biên nhận cho bên A theo thỏa thuận tại Điều 3.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- Thành phần chất thải bao gồm:

STT	Thành phần chất thải	Đơn giá khoản 01 lần thu gom	Khối lượng khoản
1	Chất thải công nghiệp thông thường	18.000.000	≤ 3.600kg

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của nhà nước có hiệu lực hiện hành.

- Nếu khối lượng chất thải bàn giao > 3.600kg /01 lần thu thì khách hàng sẽ chịu mức giá xử lý vượt khối lượng là 12.000đ/kg.

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận đủ chứng từ hợp lệ từ bên B.

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp, tạm dừng hợp đồng

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thỏa thuận. Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án Đà Nẵng là nơi giải quyết mọi tranh chấp. Phán quyết của Tòa án là kết luận cuối cùng. Mọi chi phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

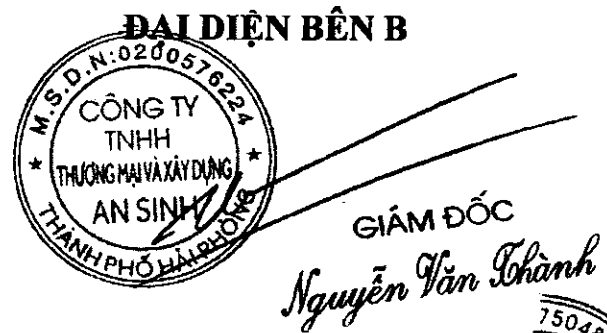
- Nếu một trong hai bên có yêu cầu tạm dừng hợp đồng thì phải Thông báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng văn bản.

Điều 6. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị Pháp lý như nhau./.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 18/5/2026 đến 18/5/2027, hợp đồng sẽ tự động thanh lý và phát sinh bằng phụ lục hợp đồng.



... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

Số: ~~2025~~ /HĐKT/SH-NT.

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên:

Hôm nay, ngày 03 tháng 09 năm 2025 tại: Văn phòng Công ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải.

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CẦU SƠN HẢI

Đại diện : Bà Trần Bích Ngọc Chức vụ: P. Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Suối Đá, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0259.3670688

Mã số thuế : 4500475048

BÊN B : CÔNG TY TNHH XD – TM & SX NAM THÀNH NINH THUẬN

Đại diện : Ông Trần Đình Minh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Kiên Kiên, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 0259. 3625225 - 3625226

Mã số thuế : 4500225633

Tài khoản số: 6150002469 tại ngân hàng BIDV Ninh Thuận

Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ này (sau đây gọi tắt là "Hợp Đồng") với những điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A giao Bên B thực hiện công việc Thu gom rác thải sinh hoạt tại Công ty CP Rau Cầu Sơn Hải theo lịch trình thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt của bên A không để ùn ứ, tồn đọng rác.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Rác thải của bên A được bỏ vào thùng đặt trước cổng để thuận tiện cho bên B thu gom.

Bên B thu gom rác vào các ngày trong tuần khoảng thời gian 7h - 18h.

Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B về lịch trình thu gom rác cũng như những thay đổi khác (nếu có).

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm bên A:



THE UNIVERSITY OF CHICAGO



THE UNIVERSITY OF CHICAGO
LIBRARY

- Tập kết rác theo yêu cầu của Bên B để thuận tiện khi thu gom.
- Thông tin kịp thời cho Bên B khi có cán bộ hoặc người có trách nhiệm không thực hiện nhiệm vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

Trách nhiệm B:

- Cử cán bộ, người có trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt thực hiện nhiệm vụ đảm bảo về thời gian, nội dung công việc tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng.
- Xuất hóa đơn VAT cho bên A nếu bên A yêu cầu

ĐIỀU 4. HÌNH THỨC THANH TOÁN VÀ TRỊ HỢP ĐỒNG.

Tổng giá trị hợp đồng: 12.000.000 đồng/năm (1.000.000đ/tháng).

(Bằng chữ: Mười hai triệu đồng)

Thời gian thực hiện hợp đồng: Bắt đầu từ tháng 03/09/2025 – 03/09/2026.

Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức: Chuyển khoản một lần vào cuối năm.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh vướng mắc; hai bên kịp thời bàn bạc để giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 4 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản

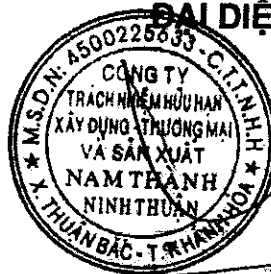
ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Bích Ngọc

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Đình Minh



TỈNH/THÀNH PHỐ
KHÁNH HÒA

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 186/2025/132/GPMT-BNNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH PEDACO

Số GPMT: 132/GPMT-BNNMT

Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà Petrovietnam, phòng 102, lầu 1, số 1-5 đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: 0249 9955868

Địa chỉ cơ sở: Tổ dân phố Tân Lý 1, phường La Gi, tỉnh Lâm Đồng

ĐT: 0252 6292222

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CẦU SƠN HẢI

Địa chỉ văn phòng: Thôn Suối Đá, Xã Thuận Bắc, Tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ cơ sở: Thôn Suối Đá, Xã Thuận Bắc, Tỉnh Khánh Hòa

Mã số QLCTNH:

ĐT: 0259670668

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12	/	Phá dỡ - HR
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	215	Súc rửa - TC
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	30	Phá dỡ - HR
4	Dầu thải từ quá trình bảo dưỡng thiết bị		X		15 02 05	/	Phối trộn - TĐ
5	Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt thải, hóa chất, dính TPNH	X			18 02 01	22	Phối trộn - TĐ
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	105	Phối trộn - TĐ
7	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	X			18 01 01	265	Phối trộn - TĐ
8	Bao bì kim loại nhiễm TPNH	X			18 01 02	/	Súc rửa - TC
Tổng cộng						637	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

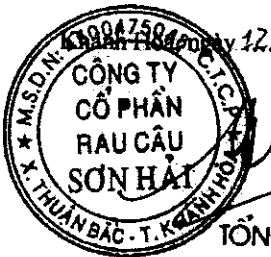
Số hiệu phương tiện: 86C 14625

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Phạm Văn Sang Ký: Ngày: 12/11/2025

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 11 năm 2025

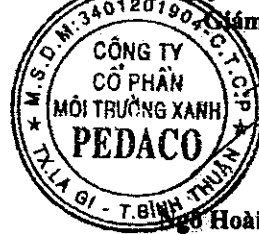


TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HỮU DŨN

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 11 năm 2025



Giám đốc

Ngô Hoài Phương

Ngô Hoài Phương

@Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:

Ninh Thuận ngày 14 tháng 11 năm 2014

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

MÁY MÓC THIẾT BỊ ĐẾN CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHẾ BIẾN RAU CÀU SƠN HẢI
HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Địa điểm: Thôn Suối Đá - Lợi Hải - Thuận Bắc - Ninh Thuận.

Thời gian tiến hành nghiệm thu: Ngày 14 tháng 11 năm 2014

Tại công trình: Xử lý nước thải công ty Rau câu Sơn Hải.

I- Thành Phần tham gia:

1- Chủ đầu tư (bên A): Công ty CP Rau câu Sơn Hải

- Đại diện Ông/Bà: Nguyễn Xuân Kết Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Đại diện Ông/Bà: Dương Quốc Công Chức vụ: Cb kỹ thuật
- Đại diện Ông/Bà: Đặng Ngọc Quốc Chức vụ: Cb kỹ thuật

2- Thi công (bên B): Công ty TNHH PTCN và MT A&T

- Đại diện Ông/Bà: Chức vụ:
- Đại diện Ông/Bà: Nguyễn Minh Tuấn Chức vụ: Cb kỹ thuật

II- Nội Dung

- Các bên đã cùng nhau tiến hành nghiệm thu hạng mục thiết bị chuẩn bị phục vụ lắp đặt hệ xử lý nước thải theo hợp đồng số 29914 A&T-SH đã đến chân công trình (tại kho và trạm xử lý của Cty CP Rau Câu Sơn Hải):

- Các hạng mục nghiệm thu có bảng danh mục kèm theo

III- Nhận Xét:

Toàn bộ máy móc thiết bị đúng chủng loại như hai bên đã thỏa thuận

IV- Các ý kiến khác (nếu có):

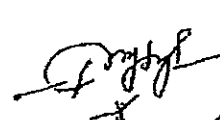
Không

V- Kết Luận:

Đồng ý nghiệm thu cho phép máy móc thiết bị và lắp đặt

Biên bản này được làm thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 03 bản

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH


Dương Quốc Công

ĐẠI DIỆN BÊN B
KỸ THUẬT


Nguyễn Minh Tuấn

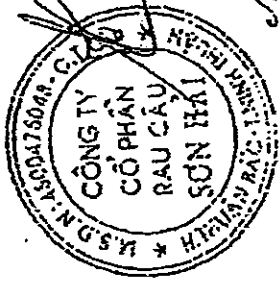
**PHU LUC 1 : KINH PHÍ CUNG CẤP , LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH SƠN HẢI-NINH THUẬN
HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SƠN HẢI 720M³/NG.Đ**

TT	Tên và quy cách hạng mục công trình - thiết bị	Đơn vị	SL	Đơn giá bao gồm lắp đặt hoàn thiện	Thành tiền	Ghi chú
A	THIẾT BỊ VÀ CHI TIẾT CÔNG NGHỆ, LẮP ĐẶT					
1	Bơm chìm Inox cấp nước thải (Q=30m ³ /h, H=10m, N= 2,4kw	Cái	2	25,000,000	50,000,000	Mới nhập ngoại , Italia
2	Bơm bùn bể lắng 1 (loại chìm Inox) (Q=12m ³ /h, H=10m, N=1.35kw	cái	6	14,500,000	87,000,000	Mới nhập ngoại -Italia
3	Bơm bùn bể lắng 2 (loại cạn), Q= 12m ³ /h, H= 10m, N=1.35kw	cái	4	11,500,000	46,000,000	Mới nhập ngoại -Italia
5	Máy thổi khí = 180m ³ /h, H = 5.5m , N=5,5kw	bộ	6	39,500,000	237,000,000	Mới nhập ngoại , Đài loan
6	Hệ pha cấp định lượng hóa chất, V=1500 lít, khuấy khí nén và Bơm định lượng Q=0-150l/h, H=60m, N=200w	cái	8	24,500,000	196,000,000	Bơm mới nhập ngoại -Ytalia
7	Điều khiển pH tự động, tích hợp 2 bơm định lượng	Bộ	2	19,500,000	39,000,000	Mới nhập ngoại - Mỹ (TH)
8	Thiết bị khuấy phản ứng N=0,4kw, 100v/p, động cơ Đài loan, cánh Inox	cái	2	11,500,000	23,000,000	Sản xuất trong nước theo thiết kế. Động cơ Đài loan - mới
9	Hệ đệm sinh học - bể yếm khí	m ³	150	2,200,000	330,000,000	Sản xuất trong nước theo v/kế công nghệ
9	Hệ đệm sinh học - bể Hiếu khí	m ³	20	20,000,000	400,000,000	Nhập ngoại
10	Tủ điện điều khiển, linh kiện và dây dẫn động lực tới các thiết bị (điều khiển 2 chế độ tự động và bằng tay) -lắp đặt nội bộ trạm	Hệ	1	200,000,000	200,000,000	Linh kiện Đức, Hàn Quốc, Tủ sơn tĩnh điện Việt nam
11	Hệ van đồng ống công nghệ các bể, vật liệu: STK, PVC	Hệ	1	450,000,000	450,000,000	Hàn Quốc , Việt nam
12	Các chi tiết công nghệ lắp trong các bể xử lý, Inox 304, 201: Hệ phân phối nước-sàn đỡ đệm. Hệ chắn chất nổi.Cơ cấu thép công nghệ trong các bể	Hệ	1	1,050,000,000	1,050,000,000	Sản xuất trong nước theo thiết kế

13	Vận hành chạy thử,	Hệ	1	176,000,000	176,000,000	Hướng dẫn qui trình vận hành s. chạy thử, nuôi cấy vi sinh, kiểm tra mẫu nước.
Giảm giá trị gia tăng 10%						
Thuế giá trị gia tăng 10%						
328,400,000						

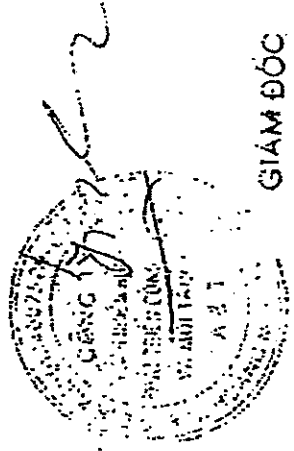
Bảng chữ (làm tròn): Ba tỉ, sáu trăm mội hai triệu đồng

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Anh

PHƯƠNG ÁN HỢP GIA TRỊ KHỐI LƯỢNG - QUYẾT TOÁN

STT	TÊN CÔNG VIỆC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	ĐƠN VỊ		KHỐI LƯỢNG THEO HỢP ĐỒNG				ĐƠN GIÁ THEO TOÁN	THEM TIỀN (THEO HỢP ĐỒNG)			
		THỂ	THỂ	THỰC HIỆN			THEO HỢP		THỰC HIỆN			
				KI	KI	KI			PS GIẢM	PS TĂNG	GIẢ TRỊ	GIẢ TRỊ
THỂ	THỂ	PS GIẢM	PS TĂNG	PS TĂNG	PS GIẢM	PS GIẢM	PS TĂNG	PS GIẢM	PS TĂNG	PS GIẢM	PS TĂNG	
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11			
1	Bơm chìm inox cấp nước thải (Q=30m ³ /h, H=10m, N=2,4kw	Cái	2		2	25,000,000	50,000,000					50,000,000
2	Bơm bùn bê lăng 1, loại chìm inox (Q=12m ³ /h, H=10m, N=1,35 kw	Cái	6		6	14,500,000	87,000,000					87,000,000
3	Bơm bùn bê lăng 2, loại cạn (Q=12m ³ /h, H=10m, N=0,75 kw	Cái	4	2	2	11,500,000	46,000,000	23,000,000				23,000,000
4	Máy thổi khí Q=180m ³ /h, H=5,5m, N=5,5 kw	Cái	6		6	39,500,000	237,000,000					237,000,000
5	Hệ pha cấp định lượng hóa chất, V=1.500 lít, khuấy khí nén, và bơm định lượng Q=0-150/h, H=60m, N=300w	Hệ	8		8	24500000	196000000					196000000
6	Điều khiển PH tự động, tích hợp hai bơm định lượng	Cái	2		2	19,500,000	39,000,000					39,000,000
7	Thiết bị khuấy phản ứng N=0,4kw, 100v/p, động cơ Đài loan, cánh inox.	Cái	2		2	11,500,000	23,000,000					23,000,000
8	Hệ đệm sinh học bê yếm khí (4 cục/m ³ -500x500x100/cục)	m ³	150		150	2,200,000	330,000,000					330,000,000
9	Hệ đệm sinh học bê Hiêu khí (đệm cầu, D150)	m ³	20		30	13,333,333	400,000,000					400,000,000
10	Tủ điện điều khiển, linh kiện và dây dẫn động lực tại các thiết bị (điều khiển 2 chế độ tự động và bằng tay	Hệ	1		1	200,000,000	200,000,000					200,000,000
11	Hệ van đường ống công nghệ các bể, vật liệu inox, STK, PVC, Bao gồm Bơm đập bọt (Q=20m ³ /h, H=20m, N=1,1kw) và Bơm cạn cấp nước thải (Q=20m ³ /h, H= 15m, N=1,5kw).	Hệ	1		1	450,000,000	450,000,000					450,000,000

10

**PHỤ LỤC- 1.LD: DANH SÁCH THIẾT BỊ - VẬT TƯ LẮP ĐẶT HOÀN THIỆN CÔNG TRÌNH
HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG TY SƠN HẢI 720M3/NG.Đ**

TT	Tên và quy cách hạng mục công trình - thiết bị	Đơn vị	SL	Xuất xứ-Chất lượng	Xác nhận & Ghi chú
A	THIẾT BỊ VÀ CHI TIẾT CÔNG NGHỆ, LẮP ĐẶT				
1	Bơm chìm Inox cấp nước thải (Q=30m ³ /h, H=10m, N= 2,4kw	Cái	2	Mới nhập ngoại , Italia	Tại bể gom điều hòa + 02 phao
2	Bơm bùn bể lắng1(loại chìm Inox) (Q=12m ³ /h, H=10m, N=1.35kw	cái	6	Mới nhập ngoại -Italia (It)	Tại 03 bể lắng 1 (bể 5-5A-5B)
3	Bơm bùn bể lắng 2 (loại cạn), Q= 12m ³ /h, H= 10m, N=1.35kw	cái	4	Mới nhập ngoại -Italia	Tại 02 bể 9A-9B (thào ra để trong nhà điều hành)
5	Máy thổi khí = 180m ³ /h, H = 5.5m , N=5,5kw	bộ	6	Mới nhập ngoại , Đài loan	Lắp
6	Hệ pha cấp định lượng hóa chất, V=1500 lt, khuấy khi nén và Bơm định lượng Q=0-150l/h, H=60m, N=300w	cái	8	Bơm mới nhập ngoại -Ytalia	Trong nhà điều hành và ngoài nhà
7	Điều khiển pH tự động, tích hợp 2 bơm định lượng	Bộ	2	Mới nhập ngoại - Mỹ (TH)	Tại tủ điện
8	Thiết bị khuấy phản ứng N=0,4kw, 100v/p, động cơ Đài loan, trục-cánh Inox	cái	2	Sản xuất trong nước theo thiết kế. Động cơ Đài loan - mới	01 cái lắp tại bể p/ứng 4 và 01 cái bể p/ứng 6
9	Hệ đệm sinh học - bể yếm khí (4 cục/m ³ - 500x500x1000/cục)	m ³	150	Sản xuất trong nước theo V/kế công nghệ	Tại 03 bể 7 (1,2,3)
9	Hệ đệm sinh học - bể Hiếu khí (Đệm cấu tròn đường kính 150)	m ³	30	Mới nhập ngoại-Đài loan	Tại bể hiếu khí 8 (còn lại trong kho sau khi bể xây xong)
10	Tủ điện điều khiển, linh kiện và dây dẫn động lực tới các thiết bị (Điều khiển 2 chế độ tự động và bằng tay) -lắp đặt nội bộ trạm	Hệ	1	Linh kiện Đức, Hàn Quốc, Tủ sơn tĩnh điện Việt nam.	Tủ tạo nhà điều hành, hệ dây dẫn điều khiển tới các thiết bị.
11	Hệ van đường ống công nghệ các bể, vật liệu: STK, PVC	Hệ	1	Màn Quốc, Việt nam	Lắp nối liền kết các bể
12	Các chi tiết công nghệ lắp trong các bể xử lý, Inox 304 Hệ phân phối nước-sản đồ đệm. Hệ chắn chắn nổi.Cơ cấu thép công nghệ trong các bể, rọ bơm, rọ rác, cơ cấu đỡ giữ bơm...	Hệ	1	Sản xuất trong nước theo thiết kế	Đã lắp đặt tại các bể

Đại diện bên A (City CP Rau Cầu Sơn Hải)

Đại diện bên B (City TNHH PTCNMT A&T)

Ninh Thuận ngày 19 tháng 12 năm 2014

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU – BÀN GIAO LẮP ĐẶT
CÔNG TRÌNH HỆ XLNT CÔNG TY SƠN HẢI**

Địa điểm: Công ty Sơn Hải, xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Ninh Thuận.

Thời gian tiến hành nghiệm thu: Ngày 19 tháng 12 năm 2014

Tại công trình: Xử lý nước thải công ty Rau câu Sơn Hải.

I- Các bên tham gia nghiệm thu:

1- Chủ đầu tư (bên A): Công ty CP Rau câu Sơn Hải

- Đại diện Ông/Bà: Nguyễn Xuân Kết Chức vụ: P. Tổng Giám Đốc
- Đại diện Ông/Bà: Dương Quốc Công Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
- Đại diện Ông/Bà: Đặng Ngọc Quốc Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

- Thi công (bên B): Công ty TNHH PTCN và MT A&T

- Đại diện Ông/Bà: Nguyễn Minh Tuấn Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
- Đại diện Ông/Bà: Chức vụ:

II- Các bên tiến hành nghiệm thu và bàn giao hạng mục thiết bị đã lắp đặt của hệ xử lý nước thải theo hợp đồng số 29914 A&T-SH:

- Các hạng mục nghiệm thu có bảng danh mục kèm theo.

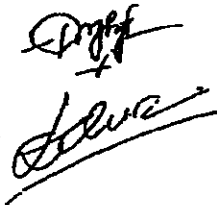
III- kết luận:

- Các thiết bị và hệ thiết bị của hệ xử lý đã được lắp đặt hoàn toàn thiện. Hệ xử lý sẵn sàng đi vào hoạt động vận hành chạy thử.

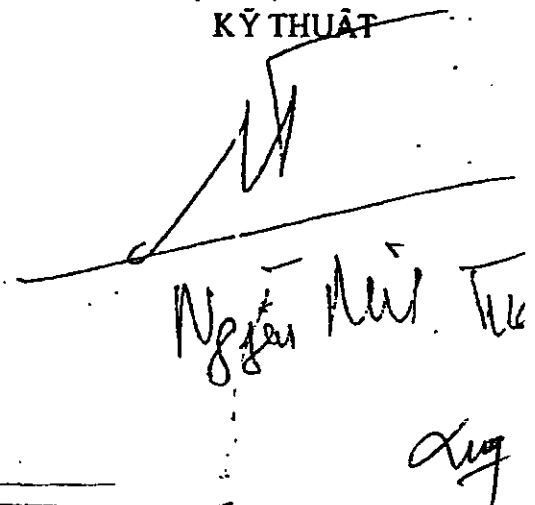

- Bên B bàn giao hệ thiết bị xử lý cho bên A quản lý và vận hành chạy chế độ khởi động.

Biên bản này được làm thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM SÁT CÔNG TRÌNH**



**ĐẠI DIỆN BÊN B
KỸ THUẬT**


Nguyễn Minh Tuấn


Ninh Thuận, ngày 28 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC HOẶC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY CHÉ BIẾN RONG SỤN – CÔNG TY CP RAU CẦU SƠN HẢI
HẠNG MỤC : THI CÔNG LẮP DỰNG LÒ HƠI 5000KG/H

1. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

ĐẠI DIỆN BÊN (A) : CTY CP RAU CẦU SƠN HẢI

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| - Bà : Trần Bích Ngọc | Chức vụ: P.Tổng Giám Đốc |
| - Ông : Dương Quốc Công | Chức vụ: TP.THHC |
| - Bà : Đỗ Thị Thúy Hòa | Chức vụ: TP.Kế Toán |
| - Ông : Dương Văn Thuận | Chức vụ: QĐ Xưởng Phụ trợ |

ĐẠI DIỆN BÊN (B) : CÔNG TY TNHH SX TM – DV CƠ KHÍ ĐẠI THẮNG

- | | |
|----------------------|----------------------|
| - Ông : | Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông : Phạm Văn Lộc | Chức vụ: TP Kỹ Thuật |

2. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 8 h 00 phút ngày 28 tháng 01 năm 2021

Kết thúc : 10 h 00 phút ngày 28 tháng 01 năm 2021

Tại: CTY CP RAU CẦU SƠN HẢI

3. Đánh giá về chất công trình hoàn thành :

a- Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu hoàn thành công trình hặc đưa vào sử dụng của nhà thầu
- Bản vẽ thiết kế thi công được chủ đầu tư phê duyệt

b- Chất lượng , kỹ thuật công trình

Đạt yêu cầu về kỹ thuật, mỹ thuật

4. Các ý kiến khác nếu có:

Không

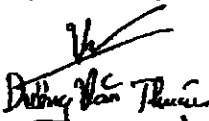
5. Kết luận :

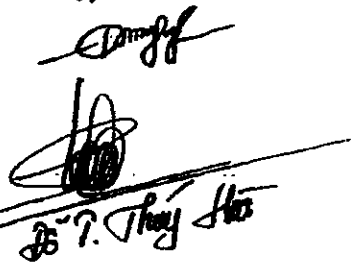
- Đồng ý nghiệm thu cho phép công trình đưa vào sử dụng

Biên bản được lập tại công trường và lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau để làm cơ sở thanh quyết toán sau này./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

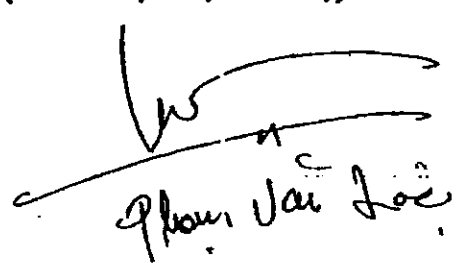
(Ghi rõ họ tên, chức vụ)


Dương Văn Thuận


Đỗ Thị Thúy Hòa

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ghi rõ họ tên, chức vụ)


Phạm Văn Lộc





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN 2
INSPECTION SAFETY 2 JOINT STOCK COMPANY
Đ/C: 93/10 Bờ Bao Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, Tp.HCM
VPĐD: 58 Đường Số 2A, KDC Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp.HCM
ĐT: 0886352552 ; 0902.689.629 mail : kiemdinbantoan.at2@gmail.com
Số đăng ký chứng nhận tổ chức kiểm định: 98/ GCN - KĐ

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN NỒI HƠI
Số: 21.0172/01/KĐAT2
(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 21.0172/BBHT)

Chúng tôi gồm :

1. Phạm Ngọc Thương Số hiệu kiểm định viên : 387/KĐV-LĐTĐXH
2. Số hiệu kiểm định viên :

Thuộc: Công Ty Cổ Phần Kiểm Định An Toàn 2

Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định : 98/GCN-KĐ

Đã tiến hành kiểm định: **NỒI HƠI**

Của: **CÔNG TY CỔ PHẦN RAU CÂU SƠN HẢI**

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, X. Lợi Hải, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận

Địa chỉ lắp đặt: Thôn Suối Đá, X. Lợi Hải, H. Thuận Bắc, T. Ninh Thuận

Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ:01-2016/BLĐTBXH, QCVN01:2008-LĐTĐXH; TCVN 7704: 2007; TCVN 6413:1998; TCVN 6008-2010; TCVN 9385:2012; TCVN 9358 : 2012.

Chúng kiến kiểm định và thông qua biên bản:

1. Chức vụ: Đại diện đơn vị sử dụng
2. Chức vụ:

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI

-Loại, mã hiệu	LBT 5000/10	-Áp suất thiết kế	10,0 bar
-Số chế tạo	020121	-Áp suất làm việc	7,0 bar
-Năm chế tạo :	2021	-Công suất	5000 kg/h
-Nhà chế tạo	Cty TNHH TM DV Cơ khí Đại Thắng		
-Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa	184°C	-Nhiên liệu sử dụng	Than, củi....
-Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa	170°C	-Công dụng	Cung cấp hơi bão hòa
-Ngày kiểm định lần trước		-Do:	

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ; Định kỳ , Bất thường

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ :

- Nhận xét : Hồ sơ kỹ thuật đầy đủ theo TCVN hiện hành.

- Đánh giá kết quả: Đạt Không đạt

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong :

Hạng mục kiểm tra	Đạt	K.đạt	Hạng mục k.tra	Đạt	K.đạt
Tình trạng cấu kiện	<input checked="" type="checkbox"/>		Cửa	<input checked="" type="checkbox"/>	
Hệ thống cấp nước	<input checked="" type="checkbox"/>		Áp kế	<input checked="" type="checkbox"/>	
Chiều lang vận hành	<input checked="" type="checkbox"/>		Đo mức	<input checked="" type="checkbox"/>	
Cầu thang, sàn thao tác	<input checked="" type="checkbox"/>		Van an toàn	<input checked="" type="checkbox"/>	
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	<input checked="" type="checkbox"/>		Khoảng cách	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tình trạng môi hàn	<input checked="" type="checkbox"/>		Hệ thống chống sét	<input type="checkbox"/>	
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác				<input checked="" type="checkbox"/>	
Tình trạng bề mặt kim loại bộ phận chịu áp lực				<input checked="" type="checkbox"/>	

[Handwritten signature]

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Nước cấp được xử lý trước khi cho vào lò hơi đạt yêu cầu. Các thiết bị đo lường, an toàn – bảo vệ, thiết bị tự động được trang bị đầy đủ và hoạt động bình thường.

- Đánh giá kết quả: Đạt Không đạt

3. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Nước lạnh	10	20
Thử vận hành	Hơi bão hòa	07	30

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Các bộ phận chịu áp lực, bề mặt kim loại những phần kiểm tra quan sát được không thấy bị biến dạng hay ăn mòn cục bộ, các mối hàn đều kín, tình trạng kỹ thuật bình thường.

- Đánh giá kết quả: Đạt Không đạt

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi (hoặc nồi đun nước nóng) được kiểm định có kết quả: Đạt Không đạt

2. Đã được dán tem kiểm định số: 0172 Tại vị trí : Tủ điều khiển

3. Áp suất làm việc cho phép: 7,0 bar

4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: 170 °C

5. Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt:

6. Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Van hơi bão hòa 1	7,7	6,7
Van hơi bão hòa 2	7,6	6,6

7. Các kiến nghị:

- Đơn vị sử dụng phải thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng nồi hơi theo qui định trong tiêu chuẩn KTAT như trên.

- Định kỳ kiểm tra các trang bị đo kiểm an toàn, bảo vệ.

- Đơn vị sử dụng tuyệt đối không được sử dụng thiết bị vượt quá áp suất qui định trong biên bản.

- Thường xuyên nhắc nhở công nhân thực hiện đúng các qui định của qui trình vận hành và qui trình giải quyết sự cố.

- Không bỏ trí công nhân vận hành thiết bị khi:

+ Không có bằng nghề phù hợp với thiết bị

+ Không có chứng chỉ huấn luyện ATLĐ theo đúng qui định của số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2016.

V-THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ: Ngày 23 tháng 01 năm 2023.

Lý do rút ngắn thời hạn (nếu có):

Biên bản đã được thông qua: ngày 23 tháng 01 năm 2021.

Tại: Đơn vị sử dụng

Biên bản được lập thành: 02 bản, mỗi bên giữ: 01 bản.

CHỦ CƠ SỞ

Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các kiến nghị
(ký tên và đóng dấu)

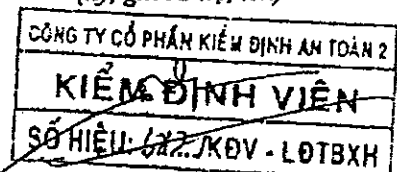
NGƯỜI THAM GIA

CHỨNG KIẾN

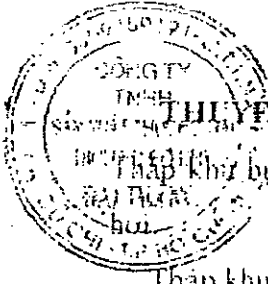
(ký, ghi rõ họ, tên)

KIỂM ĐỊNH VIÊN

(ký, ghi rõ họ, tên)



Phạm Ngọc Chương



CÔNG TY ĐẠI THẮNG.

THUYẾT MINH VỀ CẤU TẠO VÀ VẬN HÀNH THÁP KHỬ BỤI

Tháp khử bụi được chế tạo bằng inox 304 đảm bảo được độ bền lâu bền trong môi trường khí bụi lơ

Tháp khử bụi có các bộ phận chính: bơm rửa tháp, bể tán sương, than hấp thụ bụi, lọc bụi. Khi bụi từ lò hơi được đưa qua bộ hâm nước (Xyclo) lọc bụi thứ cấp, hệ thống này có nhiệm vụ lọc bụi cứng và giảm nhiệt lượng khí nóng trước khi tái qua quạt hút. Sau khi lượng khí thải đi qua Xyclo sẽ tiếp tục lắng đọng lại tại bể nước đập bụi 3 pass, từ bể đập bụi lượng khí còn lại sẽ qua tháp khử bụi tĩnh. Những hạt siêu vi theo dòng khí chưa bụi đi từ dưới lên được đưa qua màn chất lỏng (nước) phun từ trên xuống, các hạt bụi siêu vi, khí thải độc hại có trong khí thải bị thấm ướt, tách khỏi khí thải cuốn xuống tận đáy tháp, dòng khí sạch thoát ra theo ống dẫn khói thứ cấp tiếp cận ống khói chính thoát ra ngoài không khí tươi.

QUY ĐỊNH TRONG CÔNG TÁC KHỞI ĐỘNG VÀ VẬN HÀNH THÁP.

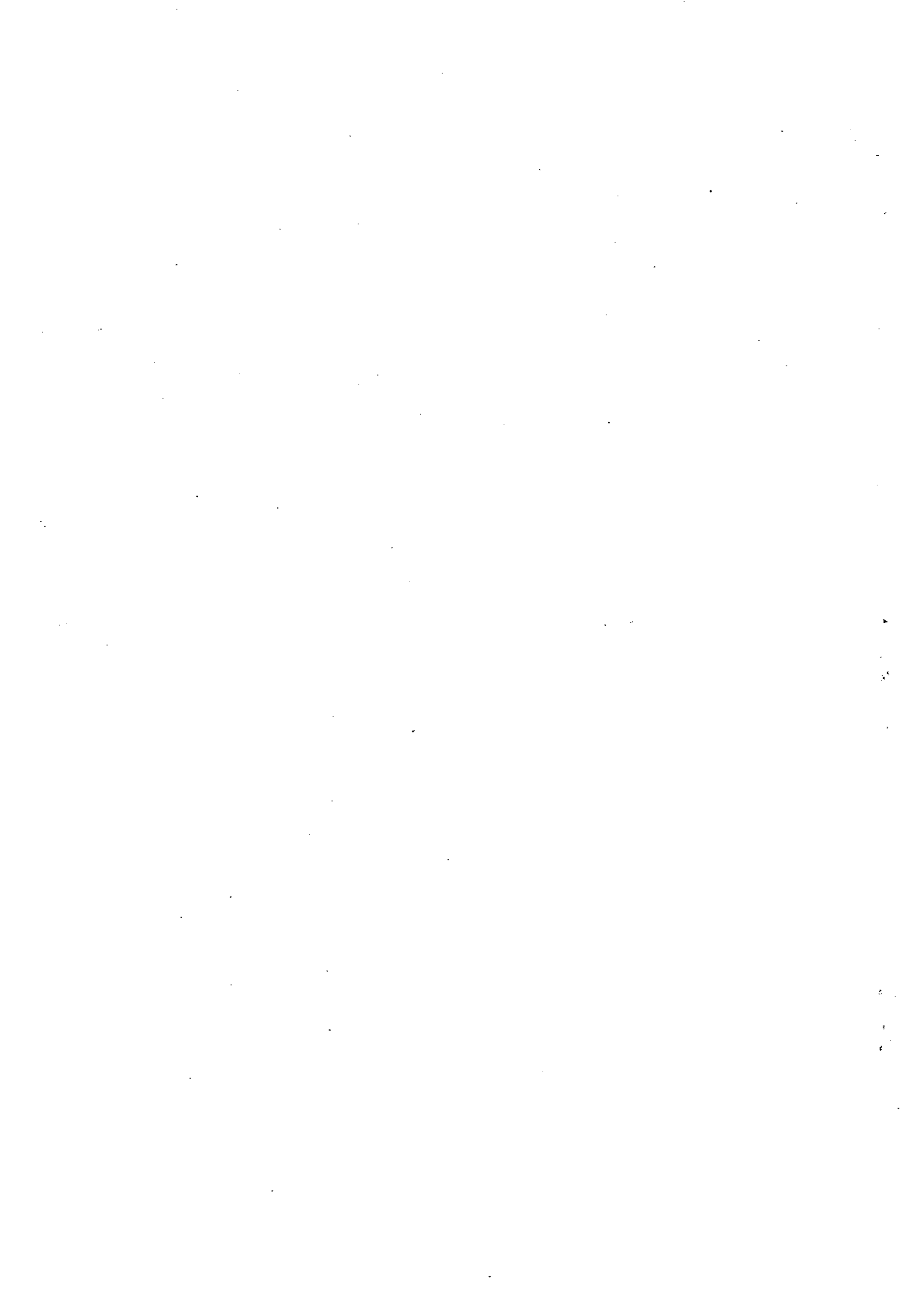
Khởi động tháp khử bụi tiến hành các công đoạn sau đây.

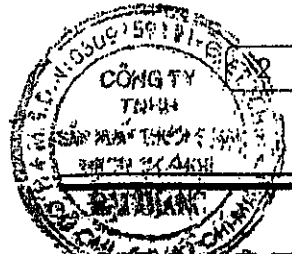
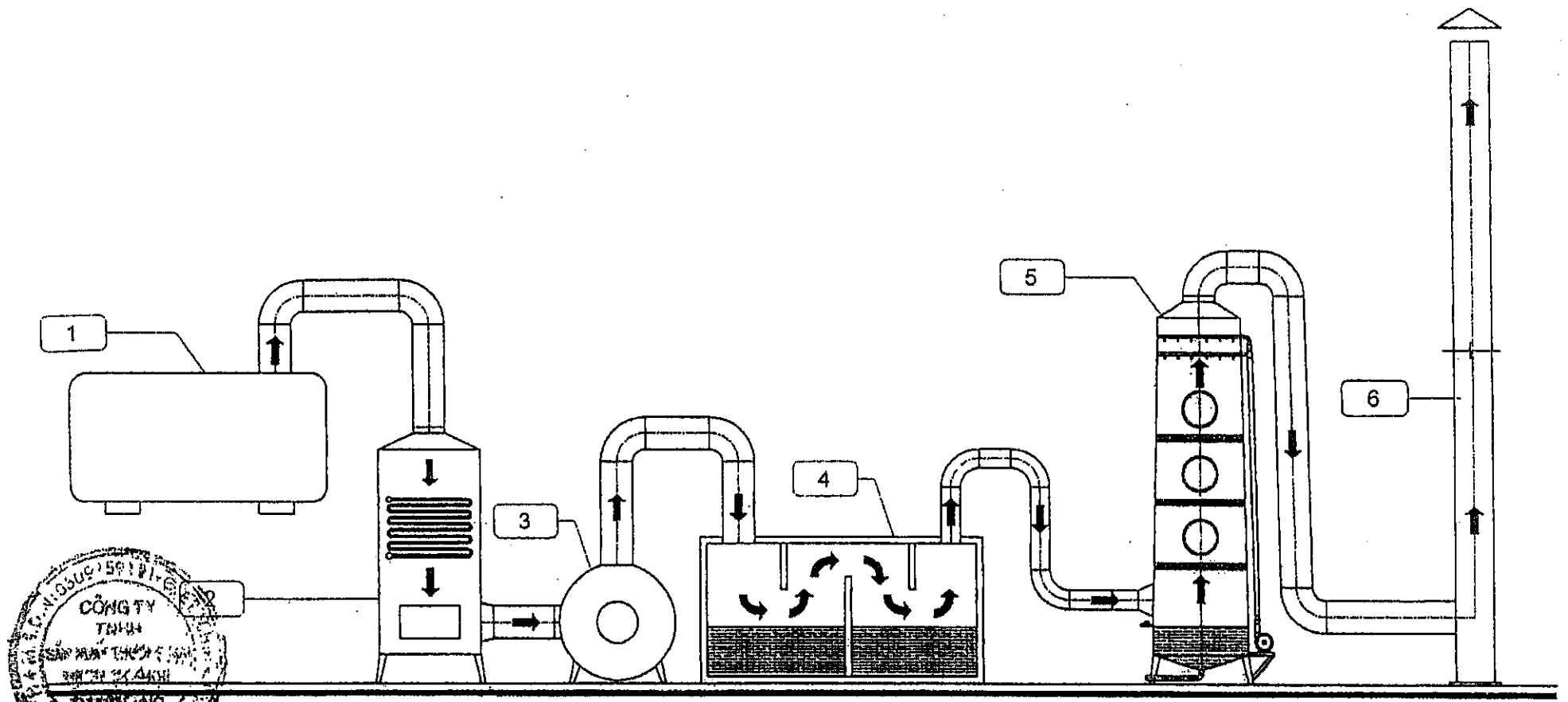
- a. Kiểm tra mức nước cấp tự động cho tháp.
- Khởi động bơm rửa tháp (bơm tán sương).
- Xả đáy tháp cho các thành phần cặn cần thoát ra ngoài.
- Đóng kín các cửa vệ sinh.
- Khởi động tháp trước khi chạy quạt hút lò hơi trước 5p.
- Vệ sinh tháp sau mỗi tuần làm việc.

Chú ý: Chỉ được phép dừng tháp khi quạt hút lò hơi đã dừng trước đó 5p.

SƠ ĐỒ THÁP KHỬ BỤI



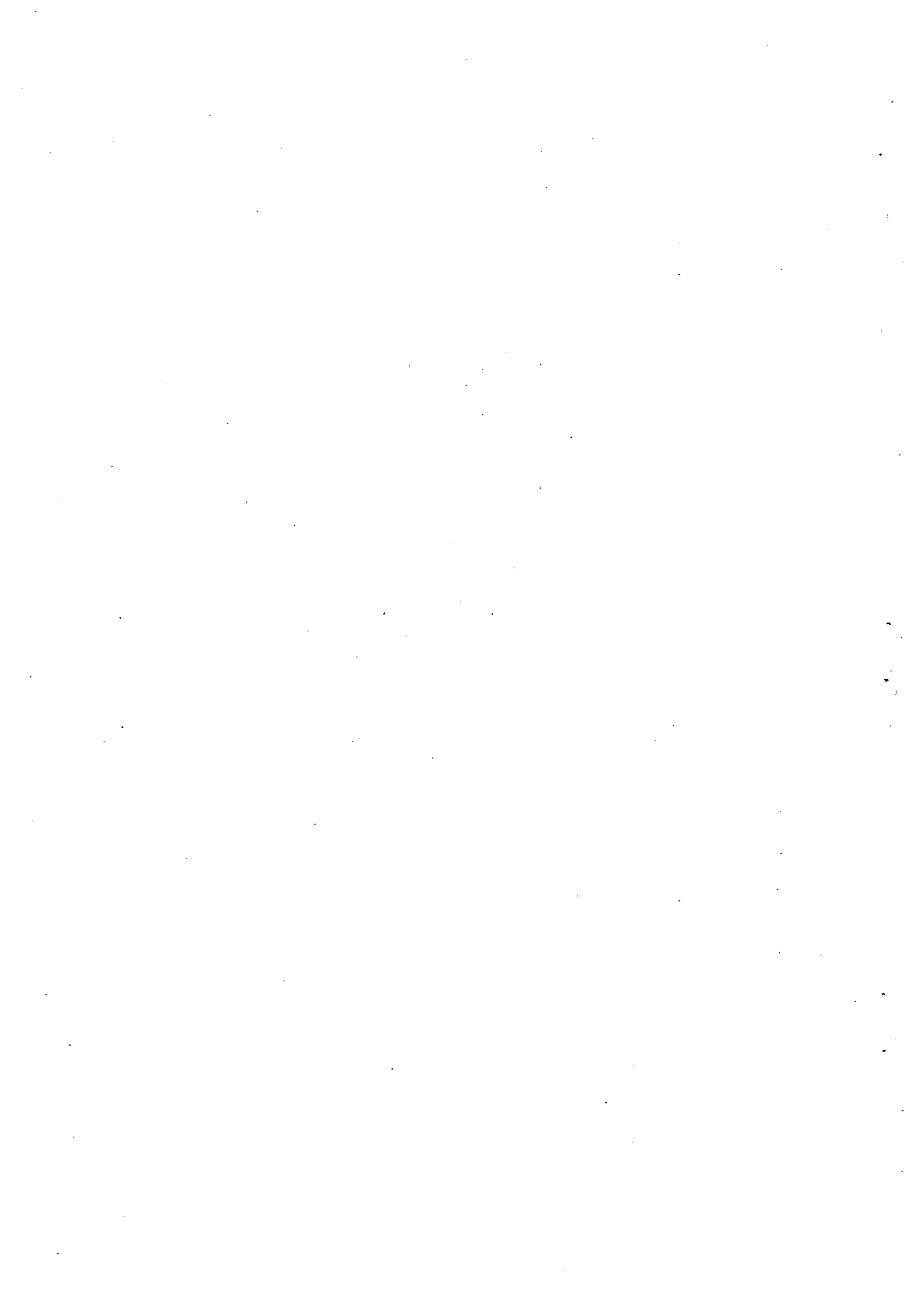


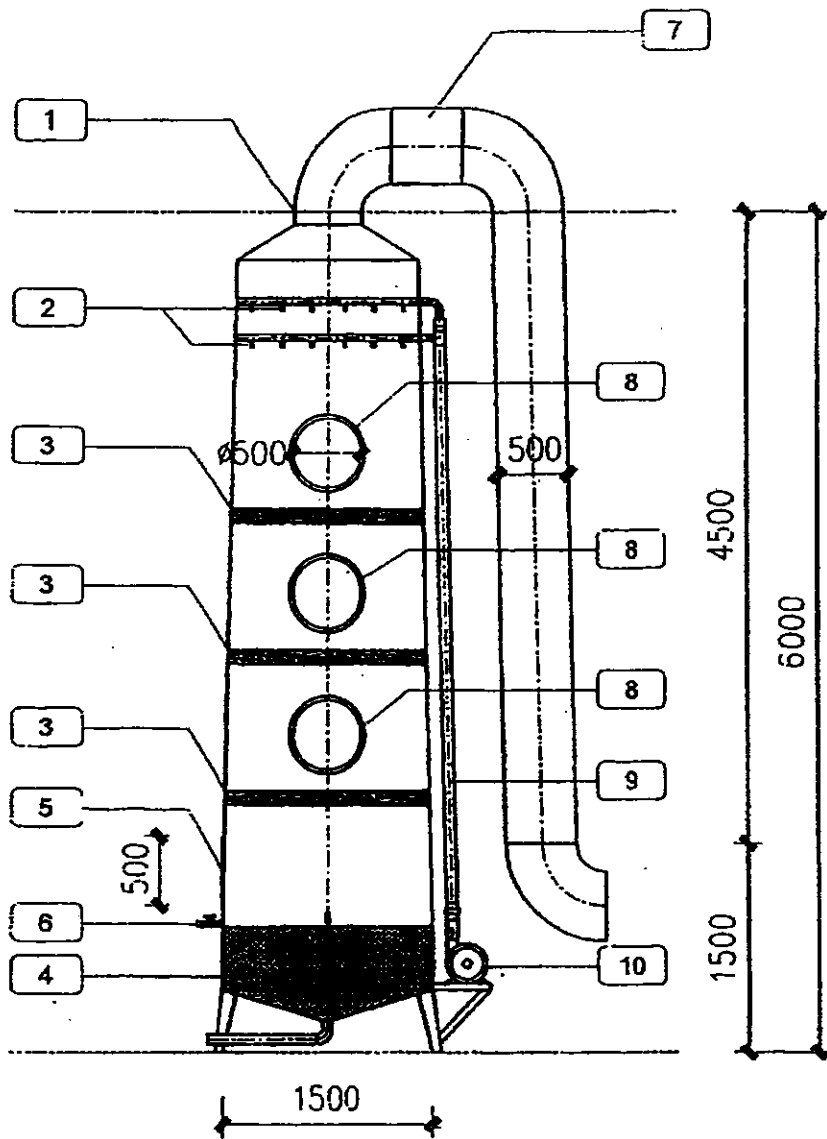


SƠ ĐỒ HỆ THỐNG LỌC BỤI LÒ HƠI

CHÚ THÍCH

- | | | | | | |
|---|-------------|---|----------------|---|--------------|
| 1 | LÒ HƠI | 3 | QUẠT HÚT | 5 | THÁP KHỬ BỤI |
| 2 | BỂ HÂM NƯỚC | 4 | BUỒNG LẮNG BỤI | 6 | ỐNG KHÓI |

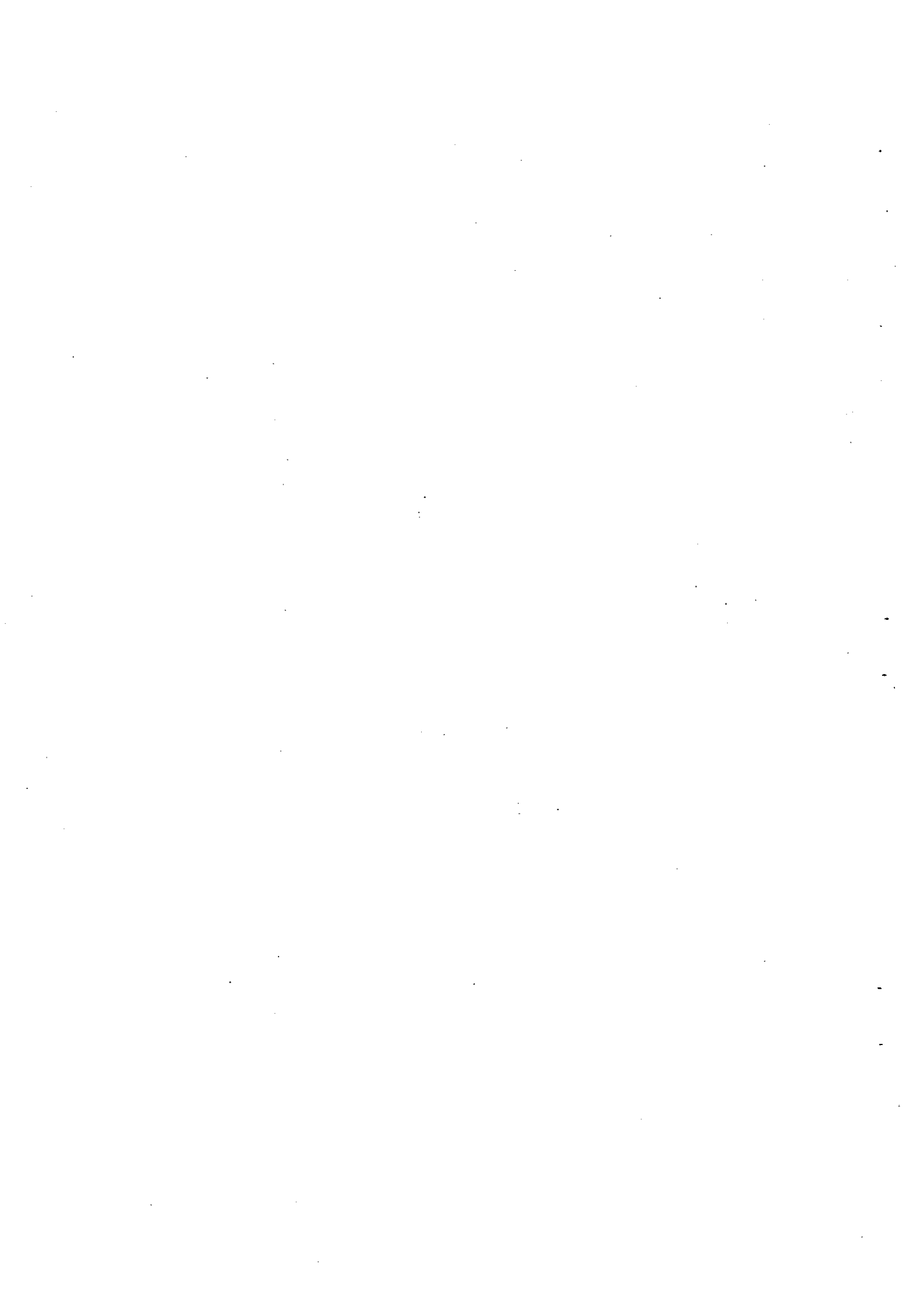




MẶT ĐỪNG

CHÚ THÍCH

- | | | | | | |
|---|----------------|---|---------------|----|------------------|
| 1 | ĐẦU THOÁT KHÍ | 5 | ĐẦU VÀO QUẠT | 9 | ỐNG CẤP NƯỚC Ø76 |
| 2 | BÉC PHUN | 6 | VAN XẢ TRẦN | 10 | BƠM NƯỚC |
| 3 | THAN HOẠT TÍNH | 7 | ỐNG THOÁT KHÍ | | |
| 4 | ỐNG THĂM NƯỚC | 8 | CỬA THĂM | | |





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 415 Đường 27/8, Phường 3, Quận
Lạc Hố, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
Điện thoại: 0512 3824000 - 0512 3824001
Email: trungtam@nvtm.vn



Số: 108.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 27/02/2024.

Ngày trả kết quả: 06/3/2024.

Loại mẫu: Nước thải.

Vị trí lấy mẫu:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
01	Tại hồ ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.	x = 1301000; y = 0589784	NT-SH01
02	Sau bể khử trùng	x = 1301002; y = 0589776	NT-SH02
03	Tại miệng ống xả trước khi đổ vào nhánh suối Vàng	x = 1302048; y = 0590275	NT-SH03

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, $K_d = 0,9$, $K_f = 1,0$)
				NT-SH01	NT-SH02	NT-SH03	
01	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,2	6,9	6,8	5,5 - 9,0
02	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210-B:2017	262,2	10,5	11,2	45
03	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	408,9	17,8	17,8	135
04	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	72,5	7,5	6,5	90
05	Clorua ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-Cl-B:2017	1.444,6	301,3	343,9	900
06	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P-B,C:2017	0,6	0,14	0,18	5,4
07	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,8	< 5	< 5	36
08	Coliform ^(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	220.000	2.300	3.300	5.000

63



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 đường 21/5, phường Đại Lãnh
thành phố Phan Rang - Tháp Chờn, tỉnh Ninh Thuận,
Điện thoại: 0259.3828503 - 0259.3828507
Email: ttquantrac.ni@yahoo.com.vn



Kết quả phân tích

Số: 108.2024/TTQT-NVMT

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERT 067).

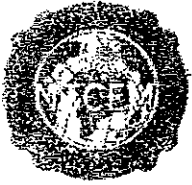
TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM TRÁC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 345 đường 11-X, phường Đa Phước,
quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 0239 3825303 - 0239 38 3850
E-mail: trungtamnt@yahoo.com.vn



Số: 413.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 23/5/2024.

Ngày trả kết quả: 31/5/2024.

Loại mẫu: Nước thải.

Vị trí lấy mẫu:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
01	Tại hồ ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.	x = 1301000; y = 0589784	NT-SH01
02	Sau bể khử trùng	x = 1301002; y = 0589776	NT-SH02
03	Tại miệng ống xả trước khi đổ vào nhánh suối Vàng	x = 1302048; y = 0590275	NT-SH03

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, K _q = 0,9, K _f = 1,0)
				NT-SH01	NT-SH02	NT-SH03	
01	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	8,0	7,8	7,9	5,5 - 9,0
02	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210-B:2017	533,0	20,5	16,1	45
03	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	713,9	30,4	22,8	135
04	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	48,8	40,8	44,4	90
05	Clorua ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-CFB:2017	763,9	625,7	476,8	900
06	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P-B,C:2017	2,7	1,1	1,1	5,4
07	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	< 5	< 5	< 5	36
08	Coliform ^(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	220.000	3.100	3.300	5.000

[Handwritten signature]



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 đường 20/8, phường Đô Vinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0257 3828501 - 0257 3828507
Email: sguantrac@nvtm.vn



Kết quả phân tích

Số: 413.2024/TTQT-NVMT

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERT 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thanh Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 Đường 21/8, phường Hòa Sơn,
thị trấn Hòa Sơn - Huyện Hòa Sơn - Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0259.3828303 - 0259.3828304
Email: trungtamquantrac@yeshon.com.vn



Số: 702.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 23/8/2024.

Ngày trả kết quả: 05/9/2024.

Loại mẫu: Nước thải.

Vị trí lấy mẫu:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
01	Tại hồ ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.	x = 1301000; y = 0589784	NT-SH01
02	Sau bể khử trùng	x = 1301002; y = 0589776	NT-SH02
03	Tại miệng ống xả trước khi đổ vào nhánh suối Vàng	x = 1302048; y = 0590275	NT-SH03

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,0$)
				NT-SH01	NT-SH02	NT-SH03	
01	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,3	6,9	6,9	5,5 – 9,0
02	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210-B:2017	518,0	17,2	14,1	45
03	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	774,2	27,9	23,2	135
04	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	31	16	17	90
05	Clorua ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-Cl-B:2017	769,3	218,0	310,2	900
06	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P-B,C:2017	0,27	0,13	0,16	5,4
07	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	< 5	< 5	< 5	36
08	Coliform ^(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	240.000	3.300	4.300	5.000

Handwritten signature



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 833 đường 21/8, phường Phú Lợi, tỉnh
thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0259 3828503 - 0259 3828507
Email: tqm@ninhthuan.gov.vn



Kết quả phân tích

Số: 702.2024/TTQT-NVMT

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
ĐIỀU GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 82 Đường Lê Văn Lương,
quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 3322420 - 028 3828307 Fax: 028 3322450
Email: trungtam@nmt.vn



SIMCERTS 067

Số: 1116.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 3/12/2024.

Ngày trả kết quả: 14/12/2024.

Loại mẫu: Nước thải.

Vị trí lấy mẫu:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
01	Tại hố ga thu nước thải, trước khi vào hệ thống xử lý nước thải.	x = 1301000; y = 0589784	NT-SH01
02	Sau bể khử trùng	x = 1301002; y = 0589776	NT-SH02
03	Tại miệng ống xả trước khi đổ vào nhánh suối Vàng	x = 1302048; y = 0590275	NT-SH03

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, K _q = 0,9, K _r = 1,0)
				NT-SH01	NT-SH02	NT-SH03	
01	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,2	7,0	6,8	5,5 – 9,0
02	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210-B:2017	408,0	19,5	14,6	45
03	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	648,0	30,0	22,5	135
04	Chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	38,0	11,0	15,3	90
05	Clorua ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-CI-B:2017	753,3	576,1	438,3	900
06	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P-B,C:2017	0,6	0,66	0,59	5,4
07	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	< 5	< 5	< 5	36
08	Coliform ^(*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	920.000	< 2	< 2	5.000

[Handwritten signature]



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 đường 21/8, phường Đa Phước,
khu phố Phan Đăng - Thập Chấm, thị trấn An Hải,
Điện thoại: 0239.3521010 - 0239.3528507 Fax: 0239.3523503
Email: trungtam@nvtm.vinhthuan.gov.vn



VIMCERTS 067

Kết quả phân tích

Số: 1116.2024/TTQT-NVMT

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Thánh Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 Đường 27, phường Mỹ Hòa, thị trấn Mỹ Hòa,
huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
Điện thoại: 0269 38 97 11 - 38 97 12
Fax: 0269 38 97 13 - 38 97 14



Số: 107.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 27/02/2024.

Ngày trả kết quả: 06/3/2024.

Loại mẫu: Tiếng ồn.

Ký hiệu: TO-SH01.

Vị trí lấy mẫu: Khu vực nghiên sàng bột rau câu, bên trong nhà máy.

Tọa độ: x = 1300998; y = 0589864 (hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	Tiếng ồn ^(*)	đBA	TCVN 7878-2:2018	76

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu: (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERT 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thanh Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 335 Đường 21/8, phường Đô Vinh
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0252 3828503 - 0252 3828507
Email: quantrac@tam.vimcert.vn



Số: 414.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 23/5/2024.

Ngày trả kết quả: 31/5/2024.

Loại mẫu: Tiếng ồn.

Ký hiệu: TO-SH01.

Vị trí lấy mẫu: Khu vực nghiền sàng bột rau câu, bên trong nhà máy.

Tọa độ: $x = 1300998$; $y = 0589864$ (hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	83

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu: (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERT 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 571 đường 27 Tháng 8, phường Mỹ Bình,
quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 2 25 85 111 - 028 2 25 85 112
Email: trungtam@tam.vnm.vn



Số: 703.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 23/8/2024.

Ngày trả kết quả: 05/9/2024.

Loại mẫu: Tiếng ồn.

Ký hiệu: TO-SH01.

Vị trí lấy mẫu: Khu vực nghiền sàng bột rau câu, bên trong nhà máy.

Tọa độ: x = 1300998; y = 0589864 (hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	77

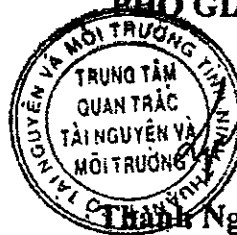
Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu: (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERT 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thánh Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 đường 1/8 phường Phú Định,
thành phố Thuận Bắc - Huyện Thuận Bắc - Tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0259.3571000 - 0259.3528307 Fax: 0259.3528303
Email: ttqtrac@nvtu.gov.vn



VIMCERTS 067

Số: 1117.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến rong sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 3/12/2024.

Ngày trả kết quả: 14/12/2024.

Loại mẫu: Tiếng ồn.

Ký hiệu: TO-SH01.

Vị trí lấy mẫu: Khu vực nghiền sàng bột rau câu, bên trong nhà máy.

Tọa độ: x = 1300998; y = 0589864 (hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	76

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu: (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thanh Ngọc Quỳnh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 13 Đường Lê Văn Lương, Phường 12, Quận 7, TP. HCM
Điện thoại: 028.3510.9119 - 028.3510.9120 - 028.3510.9121
Fax: 028.3510.9122
E-mail: trungtam@vimmcerts.com.vn



VIMCERTS 067

Số: 1115.2024/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: Nhà máy chế biến Rong Sụn, thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 3/12/2024.

Ngày trả kết quả: 14/12/2024.

Loại mẫu: Khí thải.

Ký hiệu: KT-SH.

Vị trí lấy mẫu: Bên trong ống khói lò hơi.

Tọa độ: x = 1300969; y = 0589833 (hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	Bụi tổng ^(b)	mg/Nm ³	US.EPA method 05	90,1
02	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HD TB.HT 05	7,9
03	NO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HD TB.HT 05	KPH
04	CO ^(a)	mg/Nm ³	HD TB.HT 05	792
05	O ₂ ^(a)	%	HD TB.HT 05	19,4

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu: (a): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

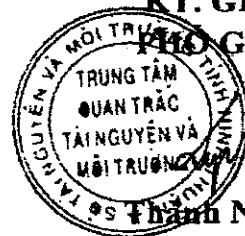
(b): Thông số được phân tích bởi Trung tâm phân tích và đo đạc môi trường Phương Nam (VIMCERTS 075);

"KPH": Không phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Quỳnh



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH THUẬN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Số 835 đường 21/8, phường Đô Vinh,
thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
Điện thoại: 0259.3521010 - 0259.3828507, Fax: 0259.3828503
Email: nquantracnt@yahoo.com.vn



VIMCERTS 067

Số: 351.2025/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 20/5/2025.

Ngày trả kết quả: 27/5/2025.

Loại mẫu: Không khí.

Vị trí lấy mẫu:

Stt	Vị trí	Tọa độ (Hệ VN 2000)	Ký hiệu
01	Tại ranh giới trên hướng gió khu vực dự án	x = 1300973 y = 0589726	KK-SH01
02	Tại ranh giới dưới hướng gió khu vực dự án	x = 1301184 y = 0589868	KK-SH02

Kết quả phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				KK-SH01	KK-SH02
01	Tiếng ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878-2:2018	59	59
02	Tổng bụi lơ lửng ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	183	146
03	SO ₂ ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	12	12
04	NO ₂ ^(*)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	26	21
05	CO ^(*) (MDL=2.600)	µg/Nm ³	HD.5.4.PPHL 53	KPH	KPH

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;

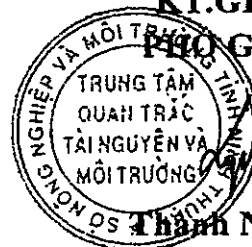
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

"KPH": Không phát hiện; "MDL": Giới hạn phát hiện.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

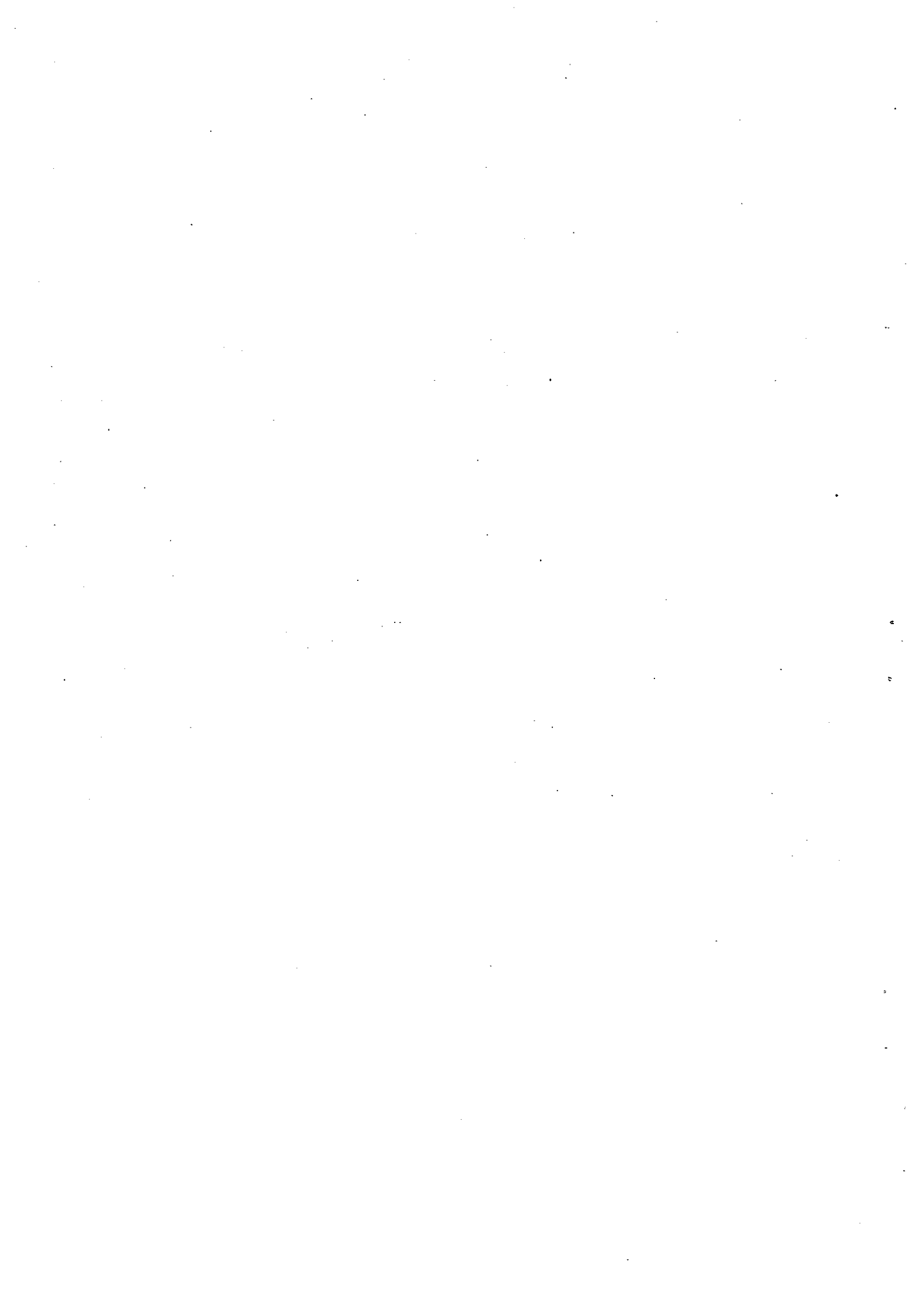
Phạm Vũ Thanh Thanh

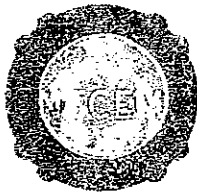
KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC



Phạm Ngọc Quỳnh

70





Số: 350.2025/TTQT-NVMT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Đơn vị: Công ty Cổ phần Rau câu Sơn Hải.

Địa điểm lấy mẫu: thôn Suối Đá, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày lấy mẫu: 20/5/2025.

Ngày trả kết quả: 27/5/2025.

Loại mẫu: Nước mặt.

Ký hiệu: NM-SH

Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí cách miệng ống xả trước khi đổ vào nhánh suối Vang 20m về hướng Nam.

Tọa độ: x = 1302031; y = 0590279 (Hệ VN 2000).

Kết quả phân tích:

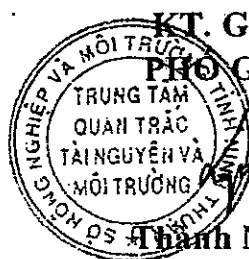
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích
01	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,8
02	Ôxy hòa tan (DO) ^(*)	mg/L	TCVN 7325:2016	5,8
03	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	14,3
04	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	21,9
05	Tổng chất rắn lơ lửng ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	< 2
06	Nitrit ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ -B:2023	0,021
07	Amoni ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ -B,F:2023	0,29
08	Tổng Nitơ ^(*)	mg/L	TCVN 6638:2000	<0,5
09	Tổng Phốtpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 P- B,D:2023	<0,1
10	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500Cl-B:2023	38,8
11	Coliform ^(*)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	17.000

Ghi chú:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu;
- Ký hiệu (*): Thông số được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động trong dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 067).

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MT

Phạm Vũ Thanh Thanh



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thánh Ngọc Quỳnh

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 17/89
Kỳ hóa đơn: 01/2025

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Mã số thuế: 4500232990
Địa chỉ: 61A Nguyễn Văn Cù, Phường Dải Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Điện thoại: (0259) 3837418 - 3839696 Website: nuocnongthoninhthun.vn
Số tài khoản: 490021100168301 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh Ninh Thuận
Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hỗ trợ nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải
Mã số thuế: 4500475048
Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền thụ (m ³)
TB14.1743	29320	29780	0	460
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		460	16.571,43	7.622.857
Cộng:		460		7.622.857
Thuế GTGT 5%:				381.143
Tổng cộng tiền thanh toán:				8.004.000

Bảng chữ: Tám triệu bốn ngàn đồng

SIGNATURE VALID
KỶ ĐƠN TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
KỶ NGÀY: 07-01-2025

Trụ cầu hóa đơn tại: <https://nuocnongthoninhthun.vn>
Mã tra cứu: NSTB141743012025155659
Cần hóa đơn, chỉ chấp nhận hợp, giao nhận hóa đơn!

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 125994
Kỳ hóa đơn: 03/2025

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Mã số thuế: 4500232990
Địa chỉ: 61A Nguyễn Văn Cù, Phường Dải Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Điện thoại: (0259) 3837418 - 3839696 Website: nuocnongthoninhthun.vn
Số tài khoản: 490021100168301 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh Ninh Thuận
Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hỗ trợ nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải
Mã số thuế: 4500475048
Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền thụ (m ³)
TB14.1743	29780	30022	0	242
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		242	16.571,43	4.010.286
Cộng:		242		4.010.286
Thuế GTGT 5%:				200.514
Tổng cộng tiền thanh toán:				4.210.800

Bảng chữ: Bốn triệu hai trăm mười ngàn tám trăm đồng

SIGNATURE VALID
KỶ ĐƠN TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
KỶ NGÀY: 11-03-2025

Trụ cầu hóa đơn tại: <https://nuocnongthoninhthun.vn>
Mã tra cứu: NSTB141743032025124525
Cần hóa đơn, chỉ chấp nhận hợp, giao nhận hóa đơn!

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 185337
Kỳ hóa đơn: 04/2025

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Mã số thuế: 4500232990
Địa chỉ: 61A Nguyễn Văn Cù, Phường Dải Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Điện thoại: (0259) 3837418 - 3839696 Website: nuocnongthoninhthun.vn
Số tài khoản: 490021100168301 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh Ninh Thuận
Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hỗ trợ nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải
Mã số thuế: 4500475048
Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền thụ (m ³)
TB14.1743	30022	30350	0	328
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		328	16.571,43	5.435.429
Cộng:		328		5.435.429
Thuế GTGT 5%:				271.771
Tổng cộng tiền thanh toán:				5.707.200

Bảng chữ: Năm triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn hai trăm đồng

SIGNATURE VALID
KỶ ĐƠN TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
KỶ NGÀY: 11-04-2025

Trụ cầu hóa đơn tại: <https://nuocnongthoninhthun.vn>
Mã tra cứu: NSTB141743042025782642
Cần hóa đơn, chỉ chấp nhận hợp, giao nhận hóa đơn!

HÒA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 297381
Kỳ hóa đơn: 06/2025

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Mã số thuế: 4500232990
Địa chỉ: 61A Nguyễn Văn Cù, Phường Dải Sơn, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Điện thoại: (0259) 3837418 - 3839696 Website: nuocnongthoninhthun.vn
Số tài khoản: 490021100168301 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh Ninh Thuận
Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hỗ trợ nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải
Mã số thuế: 4500475048
Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Lợi Hải, Huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận
Hình thức thanh toán: TM/CK
Số tài khoản:

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền thụ (m ³)
TB14.1743	30350	31281	0	931
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		931	16.571,43	15.428.000
Cộng:		931		15.428.000
Thuế GTGT 5%:				771.400
Tổng cộng tiền thanh toán:				16.199.400

Bảng chữ: Mười sáu triệu một trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm đồng

SIGNATURE VALID
KỶ ĐƠN TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ YẾU SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
KỶ NGÀY: 13-06-2025

Trụ cầu hóa đơn tại: <https://nuocnongthoninhthun.vn>
Mã tra cứu: NSTB141743062025903356
Cần hóa đơn, chỉ chấp nhận hợp, giao nhận hóa đơn!

1

72

Handwritten signature



HỒI ĐƠN GIẢ TRỊ GIÁ TĂNG

Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Kỳ hóa đơn: 08/2025

Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 424189

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số thuế: 4200700951 MŨI DVQHNS: 1134856

Địa chỉ: Số 1462 Đường 23/10, Phường Tây Nâu Trưng, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: (0258) 356527 - (0259) 3637418 Website: trungtamnuocsach.vn

Số tài khoản: 001.0296988 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa

4701201013004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang

1055318595 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa

9001211001683.01 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận

Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hệ thống nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải

Mã số thuế: 4500475048 SỔ CCCD: MŨI DVQHNS:

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Thuận Bắc, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

Số tài khoản:

Đơn giá thành toán: VND

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền tỷ lệ (m ³)
TB14.1743	31281	31304	0	23
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		23	16.571,43	381.143
Cộng:		23		381.143
Thuế GTGT 5%:				19.057
Tổng cộng tiền thanh toán:				400.200
Bảng chữ: Bốn trăm nghìn hai trăm đồng				

SIGNATURE VALID
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
NGÀY: 12-08-2025

Tra cứu hóa đơn tại: <https://tracuohoadon.com/honkhanhhoa.vn>
Mã QR code: NSTB141743082025634380

Kính chào quý khách hàng thân mến!



HỒI ĐƠN GIẢ TRỊ GIÁ TĂNG

Đơn thể hiện của hóa đơn điện tử
Kỳ hóa đơn: 09/2025

Ký hiệu: 1K25TNS
Số: 468264

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Mã số thuế: 4200700951 MŨI DVQHNS: 1134856

Địa chỉ: Số 1462 Đường 23/10, Phường Tây Nâu Trưng, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: (0258) 356527 - (0259) 3637418 Website: trungtamnuocsach.vn

Số tài khoản: 001.0296988 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa

4701201013004 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang

1055318595 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa

9001211001683.01 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận

Hệ thống nước: Lợi Hải Điện thoại hệ thống nước: (0259) 3625093

Tên khách hàng: Công Ty Cổ Phần Rau Cầu Sơn Hải

Mã số thuế: 4500475048 SỔ CCCD: MŨI DVQHNS:

Địa chỉ: Thôn Suối Đá, Xã Thuận Bắc, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TMCK

Số tài khoản:

Đơn giá thành toán: VND

Mã số khách hàng	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	Khoảng (m ³)	Tiền tỷ lệ (m ³)
TB14.1743	31304	31467	0	163
Mục đích sử dụng	Số m ³ tiêu thụ		Đơn giá	Thành tiền
Kinh doanh dịch vụ (NB)		163	16.571,43	2.701.143
Cộng:		163		2.701.143
Thuế GTGT 5%:				135.057
Tổng cộng tiền thanh toán:				2.836.200
Bảng chữ: Hai triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm đồng				

SIGNATURE VALID
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
NGÀY: 12-09-2025

Tra cứu hóa đơn tại: <https://tracuohoadon.com/honkhanhhoa.vn>
Mã QR code: NSTB141743092025121903

Kính chào quý khách hàng thân mến!

Handwritten signature